NĂM THỨ TƯ — Số 136 Thứ năm 30 Mars 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Mấy việc khẩn cấp... *Hoa-Bằng*
* Tùy-hứng *Bà Vân-Đài — Trần-huyền-Trân*
* Liều mình vì nước *Trúc-Tân*
* Vấn đề tiếng ta (I) *Long-Điền*
* Một mối tình giữa hai nhà thơ Việt-nam *Lê-Thanh*
* Những ông nghè triều Lê (LXXV) *Nguyễn-văn-Tố*
* Vũ-như-Tô (kịch lịch-sử, VIII) *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Tin văn : mộ Nguyễn trường Tộ *Từ ngọc*
* Lê Quýnh (1750-1805) *Tiên-Đàm*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XVIII) *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm 18$00 — 6 tháng 9$50 — 3 tháng 5$00 — Mỗi số 0$40

Vấn-đề sưu-tập sử-liệu Việt-nam

MẤY VIỆC KHẨN-CẤP CẦN PHẢI LÀM NGAY TỪ GIỜ

HOA-BẰNG

Ở đây, báo Đông-Pháp số 5634 ra ngày 1er Février 1944 có đăng một tin: «...Đô-đốc Decoux rất chú trọng đến lịch-sử đế-quốc Việt nam sửa giải-quyết được một vấn đề vẫn bỏ dở năm 1917 là năm lập ra sở Lưu-trữ công-văn và thư-viện, vì từ ngày ấy đến giờ, bao nhiêu tài liệu quý báu sẽ là nguồn gốc rất chắc-chắn cho lịch-sử Việt nam, vẫn không thu-thập được, đành để thất lạc vì không xếp đặt được có phương-pháp và không trông nom được đều đều.

« Nay nhờ ở sự săn sóc của đức Bảo-Đại, có thể hy-vọng rằng kinh-thành Huế sắp sưu tập được những công-văn tại thư-viện Bảo-Đại đã tổ-chức lại, dưới quyền điều khiển của ông Ngô đình-Nhu. »

Việc làm ấy rất hợp thời. Vì, không lúc nào cần bằng lúc này, từ Chính-phủ đến cá-nhân chúng ta cần phải cố làm, làm ngay cái việc mà bấy lâu đã nêu lên : nhặt lượm sử liệu.

Sử liệu Việt-nam? Nói đến, chúng ta không khỏi tổ-thẹn cho cái nước vẫn tự mạng là có văn hiến, có lịch-sử!

Đây, một vài chứng-cớ :

Độ trước, có vài người ngoại-quốc trong ủy-ban Hội nghiên-cứu Phật-học sang ta khảo-cứu về thuyền-tông Việt-nam để hòng nhờ đó, họ có thể biết qua về lịch-trình Phật-học của xứ này. Vậy mà, ngoài cách mượn người sao-chép mấy cuốn sách về Phật-học của ta may còn « rớt-rát » ở trường Bác-cổ Hà nội, họ khó lòng kiếm được một *Thuyền uyển tập anh*, một *Truyền đăng lục*, một *Tam tổ thực lục*, một *Khóa-hư*.. Tôi không biết người ta, sau khi về nước, sẽ có cảm-tưởng đối với văn-hóa của nước Đại Nam này ra sao.

Lại một sự-thực chua-chát :

Một tập thơ có tính-cách lịch-sử, có nhiều điều quan-hệ trên trường ngoại giao của ta xưa mà trong Tri-Tân số 132 tôi đã giới-thiệu với các bạn đó, thật là một sử-liệu vô-cùng quí báu đối với chúng ta ngày nay. Vậy mà nguyên-ủy tập sách ấy lọt đến tay tôi thế nào thật có nhiều cái « bi-kỳ » vượt ngoài trí ta tưởng-tượng!

Tội-nghiệp! Nói ra thì đau lòng! Nhưng biết sao, vì nó là một sự-thực :

Bữa ấy, tôi đang ngồi làm việc trong một căn phòng ở nhà quê, bỗng nghe có tiếng rao : « *Ai bán sách, đổi sách...?* » Tính ham học-hỏi giục tôi gọi người rao lại và chăm chăm nhìn vào đòi bồ. Tôi cố nhẫn-nại giở từng tờ giấy cũ, sách nát dưới những lớp bụi thời-gian « ác liệt » và giữa những hơi-vị « xặc-xụa phong-trần », thì thoáng một cái, hai chữ niên-hiệu « Cảnh-thịnh » (1) sờ-sờ trên một tờ giấy in mộc-bản màu đã hoen-ố, cũ nát và để xộc-lệch, lộn xộn, xô-bồ! Tôi liền cố mua cho kỳ được cái món « đồ cổ » ấy, mặc dầu sách đã thất lạc mất 19 tờ đầu. Sau khi xếp lại cho có thứ-tự và xem xét kỹ-càng thì té ra là tập « *Tính sa kỷ hành* » của cụ Phan Huy-Ích (2), một nhà văn-học kiêm ngoại-giao đời Quang-trung (1788-1792).

Nếu hôm ấy tôi không ở nhà hoặc nếu ở nhà mà không để ý gọi mua thì một tập sách có thể giúp ích vào Quốc-sử và đáng làm tiêu-biểu về phương-diện văn hóa — từ tinh thần văn-chương đến hình-thức ấn-loát — của một triều-đại kia đã chung số-phận với bao nhiêu sách cũ khác : phải bồi lọng, bồi sư-tử, bồi đầu rồng rồi!

Những trường hợp như cuốn *Tính sa kỷ hành* ấy, tôi tưởng, không phải là một chuyện lạ đối với cái buổi nho-học tàn-tạ này, vì trước mắt những ông đồi sách cũ và bồi lọng kia, một tập sách dù có chứa đầy sử-liệu qui giá cũng

chỉ như những tập giấy lộn khác thôi, chứ có gì là đáng yêu tiếc!

Ngoài cớ nho học suy-vi ra, ở ta còn có rất nhiều nguyên-nhân nó làm khó khăn và trở-ngại cho việc khảo-cứu lịch-sử nữa:

Nào đổi họ Lý (1010-1224) làm họ Nguyễn, nào đục tên người ở bia đá, nào xóa niên-hiệu ở chuông đồng, nào bạt bỏ cái nhan và niên-hiệu đề ở một bộ sử... Phàm những dấu-vết của triều-đại cũ đều bị tân-triều nối sau làm tiêu-diệt theo cái quan-niệm đào cây đánh rễ như thế không phải là chuyện hiếm thấy ở ta.

Vì vậy, vấn-đề nhặt-lượm sử-liệu Việt-nam thật là trăm khó, nghìn khó!

***

Nhưng, « muộn còn hơn không ». Từ nay ta cứ cố làm được tí nào hay tí ấy. Ngoài sự gửi hi-vọng vào Chính-phủ đương dựng sưu-tập sử-liệu như tin báo Đông-Pháp đã đăng đó, đoàn-thể tư-nhân cũng nên nghĩ làm những công việc này:

1) Phái người hoặc đến trường Bắc-cổ hoặc vào những nhà cố gia sao-chép lấy những sách chữ nho, chữ nôm có quan-thiệp đến lịch-sử. Sau này, nếu có thể, nên in cả nguyên văn và dịch ra quốc-ngữ những sách cổ có giá trị như *Lịch-triều hiến chương* (của Phan Huy Chú) và *Phủ biên tạp lục* (của Lê Quí-Đôn), v. v.

2) Phái người đi lùng ở các thôn-quê cố mua lấy những sử sách cũ bằng một giá đắt.

3) Đi điều-đình với những nơi có tàng bản các sử sách cũ bằng mộc-bản rồi lo tính đến việc in lại.

4) Gây những cơ quan trao đổi ý-kiến với nhau về việc phiên-dịch sử, sách bằng chữ hán, chữ nôm...

5) Nên đập ngay lấy những bài bia ở các đền miếu núi-non có quan-hệ đến lịch-sử rồi dịch ra cho đúng nguyên văn.

6) Xin làm việc « khai khám » (fouille) để khảo cho biết thật đích-xác những chỗ cổ-tích có dính-líu đến sử-ký, chẳng hạn như chính Đống-đa là chỗ Sầm Nghi-Đống và mấy trăm quân Thanh tử trận nay ở vào chỗ nào tại ấp Thái-hà (Tôi sẽ có bài nói kỹ về vấn-đề này).

Nếu nay không kịp làm mấy việc ấy trước, thì vài mươi năm nữa, tôi không biết công-việc sưu-tập sử liệu kia sẽ khó-khăn và đáng bi-quan đến thế nào!

HOA-BẰNG

---

1) Nguyễn Quang-Toản là con vua Quang-trung (1788 — 1792), có hai niên-hiệu: Cảnh thịnh (1793 — 1800) và Bảo hưng (1801 — 1802). Nhưng khi nói về đời Cảnh-thịnh cũng có thể kể gồm cả từ 1793 đến 1802 được, là vì niên hiệu sau đổi vào khi triều Tây-sơn sắp đổ, nên không được phổ thông mấy.

2) Sách này tuy mất 19 tờ đầu, tôi không được đọc tựa của tác giả và tựa của Ngô Lí Doãn (tên tự của Ngô-Thì-Nhậm), v. v, nhưng tôi biết chắc-chắn là của cụ Phan Huy-Ích, là vì căn cứ vào lời dặn của ông con cụ Phan là Phan Huy-Quỳnh in ở cuối sách và lời thư hậu của bạn cụ Phan là Đoàn Nguyễn Tuấn, trong có kêu tác-giả là Phan-tiền Giụ-thị (vì cụ Phan có tên hiệu là Giụ am). Vả, trong bài thơ kỷ-thuật việc vua Thanh Càn-long rót rượu mời như tôi đã dịch đăng ở T. T. số 132 đó có câu nói rõ là « Lễ quan hồ Phan, Võ » thì Phan chính là tác giả Phan Huy Ích. Tôi lại so sánh năm đi sứ (canh tuất, 1790) như đã chép trong tập Tính-sa kỷ hành ấy với nhiều sử sách khác, thấy rất phù-hợp.

Mười năm đất khách

Mười năm lần lữa đất quê người,
Ngảnh lại xuân xanh ngót nửa đời;
Mặt phấn nắng sương màu đã sạm,
Lòng son mưa gió gột nào phai.
Muốn chôn sầu xuống hiền không đáy
Toan đốt hờn lên sợ cháy trời.
Lận đận giang sơn vai gánh nặng,
Bên lòng canh cánh biết bao nguôi.

Bà VÂN ĐÀI

Liều mình vì nước

ĐỀN TAM-TRUNG

TRÚC-TÂN

NHỮNG bực danh nhân ở đất nước ta tự cổ chí kim không phải là ít. Giở mấy trang lịch-sử Việt-nam, đi cung chiêm các miếu mộ, bi chí, chúng ta thấy trải qua các triều đại, từ đô thị chí lâm sau, khoảng khoảng có di tích của tiền nhân đã lập nên công nghiệp lớn.

Trong số ấy, những bực anh hùng chí sĩ liều mình vì nước cũng không phải là ít, Ngoài các bực hiền hách nhứt trong sách sử như bà Trưng, bà Triệu, ông Trần-bình-Trọng, ông Nguyễn-Biểu, ông Lê-Lai, chúng ta còn thấy khoảng triều Nguyễn gần đây các ông Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu, Nguyễn-tấn-Huyên, cùng các ông Phạm-đình-Trạc, Bùi-tăng-Huy, Phạm-văn-Lưu. . . Ba ông sau nầy, tuy danh tiếng không được lừng lẫy mấy trong đất nước, số đồng bào ta biết tới không được là bao, nhưng cái khí tiết của ba ngài, vì hoàn cảnh lịch sử xui nên, rõ là ba nhà liệt sĩ Nam-Trung-Bắc liều mình vì nước, thật là tấm gương ái quốc chói rạng đáng nêu cao cho đồng bào ta rọi chung.

***

Đọc lịch sử Việt-Nam khoảng 1833, triều Minh-Mạng, chúng ta thấy đương hồi giặc Lê-văn-Khôi dấy loạn ở Nam-trung, có giặc Nông-văn-Vân làm náo động dân lính vùng thượng-du đất Bắc. Ba nhà trung liệt kể trên đã tử tiết vào thời loạn Nông-văn-Vân vậy.

Khách hiếu cổ đi tìm dấu vết tiền nhân, nếu có dịp để chơn tới tỉnh Cao-bằng, không thể bỏ qua không đi sang phía Đông Nam thành Cao-bằng tới làng Gia-cung, huyện Thạch-an để cung chiêm một ngôi đền xưa tạo ra từ triều Minh-Mạng, *đền Tam-Trung*, và thắp nắm hương lòng chiêm bái anh linh ba vị anh hùng vì nước quyên sinh: Phạm-đình-Trạc, Bùi-tăng-Huy, Phạm-văn-Lưu.

Khí tiết của ba ngài thế nào, tưởng nên do sách sử đại lược nhắc ra đây mong đồng bào ta chủ ý tới:

Bố chánh *Bùi-tăng-Huy*, tên chữ là Ngọc-Uẩn, quê quán theo Đại-Nam liệt truyện thì ở đạo Ninh-thuận, hiện nay là Phan-rang; mà theo Đại Nam nhất thống chí thì lại ở huyện Hòa-da, hiện nay Phan-rí, tỉnh Bình thuận. Thi đỗ cử-nhơn năm Gia-Long thứ 18 (1819). Đường hoạn của ngài thật lắm chông gai, mấy phen bị giáng và trải qua khắp Trung Nam Bắc: ngài mấy lần ở Trung, khi tại triều Huế, làm Biên tu sử quán, Thị độc sung Hoàng-tử tán thiện, khi lại Hộ lý Quảng trị, Phủ-doãn Thừa-thiên. Có lượt ngài vào Nam, khi làm lại bình Gia định, khi quyền Biện trấn vụ Hà-tiên. Mấy hồi ngài ở Bắc, trước làm Tư vụ đi khám đê, rốt sau làm Bố chánh sứ Cao-bằng.

Án sát *Phạm-đình-Trạc*, cũng gọi là Phạm-Trạc tên chữ là Bạt Khanh, người huyện Đường-hào, làng liêu-xuyên, tỉnh Hải-dương, dòng dõi nhà khoa hoạn. Thi đỗ cử nhơn năm Minh-Mạng thứ hai (1821), ngài làm quan trải qua chức Hành tẩu tại triều, trì huyện Hà-đông, Lang trung bộ hộ, và Án-sát sứ tỉnh Cao-bằng.

Lãnh binh *Phạm văn-Lưu*, người làng Tân-bình, tỉnh Gia định. Đầu tiên nhập ngũ, lần lần lập công thăng tới chức lãnh binh tỉnh lạng-sơn.

Nếu đời làm quan chỉ bình dị thế ấy, thì tên tuổi ba ngài đâu còn lưu lại tới ngày nay.

Tiểu truyện ba ngài được quốc sử quán chép vào Đại-Nam chánh biên liệt truyện, nhị tập, quyển 40, về phần *« Trung nghĩa liệt truyện »* là vì việc tử tiết của ba ngài tại thành Cao-bằng, đáng biểu dương trong đất nước.

Năm Qui-tị Minh-Mạng thứ 14 (1833), Nông-văn-Vân, em rể Lê-văn-Khôi, khởi loạn, tụ tập hơn muôn người, thanh-thế rất mạnh. Lần lượt chiếm các tỉnh Tuyên-quang, Bắc-kạn, Thái-nguyên, Lạng-sơn, lan vào Thạch-châu, trong địa hạt tỉnh Cao-bằng. Binh lính ít, không thể chống giữ được Thạch-châu, đành phải rút lui về thành Cao-bằng cố thủ. Phạm-văn-Lưu, từ tỉnh Lạng-sơn, dẫn hơn trăm binh tới tiếp viện, cũng ở trong thành, bên ngoài binh giặc phủ vây.

Giữ thành hơn một tháng trường, trông binh cứu viện không thấy tới.

Thuốc, đạn, gạo, muối trong thành gần hết; binh giặc vây thành bốn mặt, bắn phá cô thành như mưa đổ.

Tình thế một ngày một nguy, quan bố bàn với quan án, quan lãnh rằng: « Việc rất nguy cấp, thà ta chịu chết để cho toàn vẹn một thành, bình dân được sống ». Ra lịnh đặt hương án, mặc đồ triều phục, ông Bùi-tăng-Huy lạy về cửa Khuyết; làm lễ xong, ông đốt cả triều phục, bằng sắc, rồi tự tử.

Lãnh binh Phạm văn-Lưu cũng tự vẫn theo.

Án sát Phạm-đình-Trạc nói rằng: « Trách-nhậm giữ phong-cương, chết là bổn-phận vậy » Ông ra lịnh đào huyệt, lạy về cửa Khuyết, xuống huyệt nằm ngay ngắn, bảo người lấp đất lại và nói rằng: « Thế nầy, thân thể sở sanh của ta mới được toàn vẹn ».

Thế là ba vị anh hùng quyên sinh, vì giống nòi, vì tổ quốc!

Sau quan tổng đốc Bắc-ninh Tạ-quang-Cự tấn binh dẹp giặc, thâu phục lại tỉnh thành, dâng sớ thuật các việc về Triều. Vua rất thương tiếc, có lời dụ rằng: « Đương hồi sự thế nguy nan, các vị ấy thung dung tựu nghĩa, không chịu sống nhục nhã, tình cảnh đáng thương. Nguyên trước bị giáng cấp lưu, nay được hoàn toàn khai phục, lại ban cấp mỗi nhà một trăm lượng bạc, cho thâu di hài vào quan quách, đem về nguyên quán chôn cất. Ra lịnh quan tỉnh chọn lựa đất cao ráo lập đền thờ, để khuyến người tận tiết, biển đề là *Tam Trung Từ* ».

***

Cùng một đền thờ ba nhà trung nghĩa: Phạm-đình Trạc ở Bắc (Hải-dương) Bùi-tăng-Huy ở Trung (Ninh-thuận), Phạm-văn-Lưu ở Nam (Gia-định):

Giữa lúc nước nhà loạn lạc, ba quả tim cùng rung động một nhịp, đồng hi sanh tánh mạng để bảo-vệ đồng bào bị khốn trong cô thành, nhứt tâm đồng mãnh, tự xem cái sống lúc bấy giờ là tủi nhục, thung dung tuẫn tiết để danh tự cho tổ quốc giang san!

Quí hoá thay, vẻ vang thay cho non sông Nam-Việt: anh hùng Trung, Nam, Bắc cùng thờ trong đền Tam-Trung!

Giở mấy trang lịch-sử nước nhà, tầm giọt máu đào của đồng bào giết hại đồng bào mà đau đớn khổ nhục trăm đường! Cái rạn nồi da xáo thịt, cốt nhục tương tàn, trải qua mấy thế kỷ, óc chia rẽ xô tiền nhân ta vào nạn phân tranh Nam Bắc: người vì họ Mạc, người binh họ Trịnh, người thờ họ Nguyễn, người theo Tây-sơn, gây ra mối ngờ vực, thù hiềm, chém giết lẫn nhau quên cả giống nòi máu mủ!

May thay đức Cao-hoàng gom lại cõi bờ về một mối: Nam Trung Bắc trở lại một nhà.

Gương chói rạng nêu ba nhà chí sĩ Phạm, Bùi, Phạm, phải chăng là một kết quả công trình thống nhứt của Nguyễn-triều đã chấm giứt cuộc phân tranh Nam Bắc?

Đền trang nghiêm thờ ba bực liệt-sĩ Nam, Trung, Bắc, phải chăng là điểm son để xóa bỏ vết lọ nội-loạn của mấy trang lịch-sử Việt-nam?

Tam trung từ, một đền gồm Nam Trung Bắc.

Tam trung từ, biểu hiệu tinh-thần quốc-gia thống nhứt kiên cố của người Việt-nam.

Tam trung từ, đáng làm một đền quốc gia của cả giống nòi Hồng-Lạc.

***

Sau đây xin trích lục và phiên dịch thi văn có quan hệ tới ba nhà trung-liệt ấy:

1°) Bài thi của Án-sát Phạm-đình-Trạc đọc trước khi tự tận, gởi về gia quyến:

« Tân tị đông xuất thân,
Qui-tị đông thân tử.
Quân thân hữu thử thân,
Phủ ngưỡng tài nhứt kỷ.
Cầu hồ thần sư quân:
Viết trung giả tắc vị!
Cầu hồ tử sự thân:
Thọ duyên chỉ nhứt hỉ!
Khuê vi thiên lý tình,
Sàn phụ dữ ấu tử.
Tam thập hựu tam nhựt,
Thần lực vân kiệt hỉ!
Bất năng thủ vương thổ,
Nguyện tử ư vương sự.
Phiêu diêu khuyết đình vân!
Chiêm vọng tình hà dĩ!...» (1)

Diễn nôm:

Xuất thân năm tân-tị mùa đông (1821),
Thân mất qui-tị cũng mùa đông (1833)!
Thân của mẹ cha của đất nước,
Mười hai năm trường thân cúc cung.
Làm tôi nhứt nguyện thờ quân quốc,
Rằng trung tự xét chửa gì trung!

(Xem tiếp trang 20)

1) Đại Nam liệt truyện. Sự nghiệp văn chương Phạm-đình-Trạc còn lại hai tập thi « Học ngôn thi tập » và « Họa Hồ » có ông Thương sơn Tùng thiện vương đề tự.

Một kiến-giải về

Vấn đề tiếng ta

LONG DIỀN

Muốn Việt-văn có thể-thống, ta cần phải thảo-luận việc tinh-nghĩa và việc dụng-tự trong khi viết văn

Tiểu dẫn

Vì sao tôi viết bài này? *Nhân vì ông Lê-Văn ở báo Việt Cường.*

Tờ Việt Cường ra ngày 25-11-43, có bài khảo cứu chữ « mộng-hỏe » trong quyển « *Văn liệu từ-điển* » của tôi. Ông Lê-Văn, tác-giả bài đó, tưởng tôi giải nghĩa chữ « mộng-hỏe » như « mộng-hùng » là sai. Tôi đã vội gửi ngay thư lên báo « Việt-Cường » ngày 29-11-43 để đính chính kẻo sợ ông Lê-Văn đã nhầm, lại làm nhầm cả quốc-dân.

« Việt-Cường » là tờ báo hằng ngày, giấy mực có hạn, tôi không dám nói dài. Nay nhân một công hai việc, vừa để đàm-luận với ông Lê-Văn một cách kỹ càng, vừa để trình với hải nội quân tử mấy vấn-đề mà xưa nay tôi vẫn định đem ra thảo-luận để mong được những nhà tri-thức trong nước chỉ giáo thêm cho.

Ấy là việc tinh-nghĩa và việc dụng tự.

Việc tinh-nghĩa

Tiếng nói dùng để biểu diễn ý-tưởng. Văn-tự là dấu ghi chép tiếng nói nên mỗi tiếng có một nghĩa riêng.

Tiếng nước nào cũng vậy.

Tiếng nước ta cũng thế, hiềm vì các bực tiên-hiền học-giả biết dùng rất sành, nhưng không chịu xếp đặt thành qui tắc nhất-định, nên mỗi người hiểu biết một cách, hóa ra lộn-xộn.

Còn ở các nước văn-minh Âu Mỹ cái gì cũng săn sóc tổ-chức hẳn hoi. Họ hiểu tiếng nói của một dân tộc có quan hệ mật-thiết đến cuộc hưng, vong, tồn, diệt, nên họ lại càng săn-sóc tổ-chức chu đáo lắm. Họ xếp đặt biên soạn định-nghĩa, tinh-nghĩa những tiếng nói, và lập thành qui-pháp những cách dụng-cú, dụng-tự để quốc dân họ dùng cho có thể-thống.

Đến như ở nước ta, 70 năm nay được tiếp xúc với người Âu Mỹ, đáng nhẽ ta cũng nên bắt chước họ. Nhưng không. Ta chẳng săn-sóc, tổ-chức gì mấy về vấn-đề tiếng nói của dân tộc ta, cứ ơ-hờ lãnh đạm không khác gì các cụ tiền bối xưa đối với chữ « nôm » ngày trước. Mãi gần đây, mới thấy tỉnh ngộ, hô hào nhất thống tiếng Nam cả ba kỳ, và chú ý đến việc chính tả quốc-văn.

Về năm 1929, 1930, trong báo « Phụ-nữ » ở Saigon, ông Phan-Khôi có đem ra thảo luận về việc bồi bổ quốc-văn (1) nhưng sau đó lại thôi, không ai sốt sắng theo đuổi. Gần đây trên tạp-chí này, ông bạn Hoa-Đăng lại nhắc đến (2)

Nay nhân gặp câu chuyện « mộng hỏe », tôi theo gót các vị đàn anh, gom góp một chút phần về việc xây-dựng nền quốc học, đem thảo luận việc tinh-nghĩa tiếng Nam, mà tôi đã áp-dụng một vài chữ trong quyển « *Văn liệu từ điển* ». Tôi mong nếu được nhiều nhà yêu quốc-văn tán thành chỉ bảo thêm cho, thì tôi sẽ đem thực hành ngay trong quyển « *Văn liệu từ điển* » khi nào tái bản.

Tôi xin đem ngay bài khảo cứu « mộng hỏe » của ông Lê-Văn ở Việt-Cường ra ngày 25-11-43 làm bài giảng cứu, vì là câu chuyện mới xảy ra cho hợp thời.

Giấc là mộng — Trong bài của ông Lê-Văn, ông cho chữ « mộng hỏe » như chữ « Giấc hỏe », nghĩa là ông đã cho chữ *mộng* và *giấc* như nhau.

Không phải. Chính có phân-biệt.

Giấc là một lúc ngủ ngắn hay dài, có mộng hay không có mộng. Vậy chữ giấc là nghĩa phổ thông (sens général).

Mộng là một cuộc mơ thấy sự gì trong giấc ngủ, tức là chiêm bao. Vậy mộng là ý hạn-định (sens déterminatif).

Ta nên tinh-nghĩa những chữ đó, đừng dùng chữ nọ nhầm với chữ kia.

Nay đến chữ *mộng hòe* và *mộng hùng*.

Ông Lê-Văn vì ít gặp chữ « mộng hòe », cho là kỳ lạ, vội cho là tôi giải nghĩa sai, và ông thấy tác-giả chữ đó là ông Phan-Hàn-Khanh (3) vội cho là một người vô danh trong làng văn, nên trong bài khảo-cứu của ông, ông đánh một cái dấu hỏi bên cạnh tên tác-giả. Cái thành-kiến « sợ ông huyện to bụng » đó, tôi cũng thường thấy ở nhiều bạn thanh-niên, xin sẽ nói ở bài « Đọc sách ».

Mộng hòe, theo ông Lê-Văn khảo cứu như sau này:

« Xưa nay chưa nghe ai nói « *mộng hòe* là điềm sinh con trai như *mộng hùng*, thử giở sách Tù-nguyên, Tứ-hải ra tra, thì quả không chỗ nào nói *mộng hùng* có nghĩa như mộng hòe ».

« Tra chữ Hòe, thấy có chép thành-ngữ « Hòe an mộng », theo lời giải nghĩa thì tức là Nam Kha mộng ».

« Đời Đường, ông Lý Công Tả làm sách « Nam Kha Ký » nói đại khái rằng: — Thuần-Vu Phân nằm mộng tới nước Hòe-an được vua nước ấy gả công chúa cho và bổ chức Nam Kha thái thú, danh vị hiển hách một thời. Sau vâm quân đánh giặc bị thua rồi công chúa mất. Quốc-vương dâm ra nghi ngờ, cách chức đuổi về, uất-ức quá, tỉnh dậy. Thấy nằm ở dưới gốc hòe có một lỗ kiến to, có con kiến chúa rất lớn. Thuần suy-nghĩ lấy làm chán đời, tiền học đạo tu tiên v. v... »

Chữ « mộng hòe » ông Lê Văn căn cứ vào điển Hòe-an là nhầm.

Chính chữ « mộng hòe » ở câu:

Mộng hòe sực tỉnh canh dài,
Phu nhân chuyển động tâm hoài đôi nơi

ở trong sách « *Sự tích đức Thánh-Trần* » của ông Phan Hàn-Khanh; phải dựa vào điển « Tam Hòe » mới đúng.

Điển « Tam Hòe » lược như sau này:

Đời Bắc Tống có Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân nói rằng: « Con cháu ta tất có người làm Tam công ». Vì thế thiên hạ gọi là « Tam hòe Vương thị », nghĩa là ba cây hòe của họ Vương. Sau con Vương Hựu là Vương Đán quả làm đến Tam công. (4)

Vì đức Trần Hưng-đạo cũng làm đến Đại-vương,

(*Xem tiếp trang 18*)

TRỪ' TỊCH

Gửi anh Giản-Chi

Chén xong đẹp chiều ngây khè
Nửa đêm men nhạt chợt nghe năm tàn
Một mình nhóm lại nồi than
Tưởng đâu bên lửa mày ban tay hơ
Sầu chi than thở bây giờ
Vui chi sửa giọng ngâm thơ vang giời
Lòng yên như đậm đêm dài
Cớ sao nghe lên chán đời tiễn nhau
Lạnh lùng toan thảo đôi câu
Nhớ ra bút lạc, nghiên đầu từ chiều
Phong phanh gió tập veo vèo
Thổi lên cơn nhớ bạn nghèo tha hương
Muốn kêu này hỡi bốn phương
Những ai rối tóc trên đường lợi danh
Vàng soi cho lóa mắt xanh
Buông tay giờ có giật mình tay không!
Muốn kêu hỡi núi rày sông
Sông ngăn núi chặn cho lòng lạc nhau
Cái đau xa mãi cái đau
Tưởng cầm sông núi bạc đầu lòng mơ
Muốn kêu hỏi những ngày xưa
Chân vừa lẫng cẫng tay vừa chơi vơi
Vừa còn đuổi bắt bóng đời
Mắt thôi tiếng khóc miệng cười còn đau
Muốn kêu này hỡi người sau
Đọc thơ này có gặp nhau canh gà
Nửa đêm tớp một chén khà
Bóng soi sóng rượu ngỡ là bóng ai.
Nhưng không — giữa cái đêm dài
Ta không kêu, chỉ ngậm cười với ta
Trông lên đèn đã nở hoa
Tưởng chừng trong ruột bấc già dượm hương.

Nhâm ngọ — Quý mùi

TRẦN HUYỀN-TRÂN

MỘT MỐI TÌNH

giữa hai nhà thơ Việt-nam

(Hàn-mặc-tử và Mai-đình nữ-sĩ)

LÊ-THANH

Ở Hà-nội vừa rồi người ta bàn tán nhiều về quyển tiểu thuyết « *Tâm hồn nghệ-sĩ* », tác-giả, ông Lê-Minh; nói về mối tình của hai nhà thơ Hàn-mặc-tử và Mai-đình.

Viết bài này tôi không có ý phê-bình nghệ thuật và tư-tưởng trong quyển sách, — sự thực nói về tư-tưởng thì tác-giả không cần có tư-tưởng riêng để giải bầy, còn nghệ thuật thì mong-manh lắm — tôi chỉ nhân đọc nó muốn nêu lên một câu hỏi : « Cái thiên tình sử, dù là « *thiên tình sử độc nhất vô nhị của đất nước, của thế giới mà nhân loại cổ kim không có cả tương-lai nữa sẽ không bao giờ có* : (1) ấy, ta có nên đem thuật ra một cách thực thà, và nên quảng cáo cho nó một cách rầm rộ như thế không?

Tôi xin vắn tắt thuật ra đây câu chuyện :

Mai-đình là một nữ-sĩ. Đã có thơ đăng-báo, vì đọc thi văn của nhà thơ Hàn-mặc-tử mà yêu Hàn. Hàn mắc bệnh hủi. Mac-đình tự đến nhà Hàn nhận làm vợ Hàn để trông nom săn sóc Hàn.

Tôi lấy làm lạ rằng sách là sách *tiểu thuyết* (theo đề ngoài bìa) mà trong sách toàn là tên thực, tên những người còn sống hoặc mới qua đời, cỏ trên mồ vừa xanh ; Hàn-mặc-Tử tức Nguyễn trọng-Trí, Mai-đình nữ-sĩ tức Lê-Mai. Quách-Tấn, Trần thanh-Định v v... như vậy thì tiểu thuyết hay truyện thực? Ta cần được tác-giả cho ta biết rõ ràng về chỗ này.

Tôi bỏ qua những vai phụ, Quách Tấn, Trường Xuyên, Trần-thanh-Địch, tôi hãy bàn riêng về hai vai chính Hàn-mặc-Tử và Mai-đình.

Theo ông Lê-Minh, thì hai người này là bạn thân của ông.

Mục đích của ông có lẽ là muốn làm sống lại mối tình kia, muốn làm tăng giá trị của Hàn — vì tài mà đã có được một người yêu như Mai-đình, — làm tăng giá-trị của Mai-đình — vì Mai-đình đã có một « tâm hồn nghệ sĩ » đã dám có một mối tình lãng mạn như thế.

Tôi còn nhớ khi Hàn-mặc-tử mới qua đời, ông Trần thanh-Mai có thuật trong một quyển sách nói về thân thế và văn chương của Hàn rằng khi Hàn còn sống đã giao cho ông Trần thanh-Địch i tài liệu cậy ông nói với ông Trần thanh-Mại viết tất cả « cái gì của lòng Trí » (Trí là tên thực của Hàn).

Mối tình ấy là một « cái gì của lòng Trí », nhưng có phải là một điều mà Trí muốn người ta đem ra làm để cho một quyển sách như quyển « *Tâm hồn nghệ sĩ* » không?

Theo thiển ý thì giả Hàn-mặc-tử còn sống mà thấy các bạn bè đem tình yêu của mình ra phơi trên giấy như thế, chắc Hàn phải can ngăn :

« Các bạn có lòng tốt muốn cho đời chú ý đến tôi nhiều, các bạn đem mối tình của tôi với Mai-đình mà thuật cho đời nghe, tôi cảm ơn, nhưng các bạn ạ, nếu sau này tôi có được « sống » với thời-gian, đó là vì tôi đã làm được những bài thơ gọi là có giá-trị, chứ không phải vì cớ tôi bị bịnh phong mà còn có một nữ-sĩ yêu tôi. Nếu các bạn muốn cho đời hiểu tôi, quí tôi, các bạn hãy đem những văn thơ của tôi ra mà phân tách mà giảng giải. Như vậy có lẽ có ích cho tôi và cho đời hơn là các bạn làm cái công việc các bạn đã làm. »

Và Nguyễn trọng-Trí đã có lý. Riêng về tôi, sau khi đọc quyển *T. H. N. S.*, tôi có những cảm tưởng nặng nề, nó đến cho tôi cùng với những hình-ảnh không đẹp-đẽ ; có lẽ tôi thương Nguyễn trọng-Trí cũng như tôi thương một người nào cũng đau-đớn về vật chất như Trí, nhưng chắc chắn rằng không phải vì quyển *T. H. N. S.* mà lòng cảm phục của tôi đối với nhà thơ Hàn-mặc-Tử tăng lên, nói một cách khác, nếu tôi có hâm mộ Hàn là vì thơ Hàn chứ không vì Hàn đã *ốm* và đã *yếu*.

Còn Mai-đình nữ sĩ! Viết đến đây, tôi rất đỗi băn khoăn Tôi sẽ nói tại sao.

Theo ông Lê-Minh thì cô nữ-sĩ Mai-đình cũng muốn để ông Lê-Minh đem cái chuyện tình của nữ-sĩ ra phô bầy trên giấy :

« Sau bốn năm trời sống với đau-thương, Mai-đình đã liều-tụy đi nhiều lắm. Thoạt gặp tôi, nàng oà ra khóc... Rồi nàng dần dần kể cho tôi nghe đoạn đời của nàng sau khi Hàn chết đi. Mối tình thiêng liêng ấy sống quằn-quại mãi trong thâm tâm nàng...»

« Lúc người nhà Tùng sơn sách valise của nàng đem ra xe thì Mai-đình đón lại, lấy ra đưa cho tôi một tập giấy đóng thành sách hẳn hoi và nói tấm-tức :

« — Đây là tập nhật ký của Hàn trong mấy tháng bệnh tình trầm-trọng ở nhà thương Qui-hòa, đóng chung với tập của tôi biên chép những phút giây đau khổ từ khi phải cắn răng chia lay với chàng cho đến Tết năm nay, trên con đường phiêu dạt nay đây mai đó tôi hằng ấp ủ và gìn giữ.

Nay trước tấm thịnh tình của anh đối với chúng tôi, tôi xin gửi anh và anh có thể cứ theo đấy mà tìm thêm một vài điều bổ ích cho quyển sách dự định của anh...

« Anh cố viết gấp được sớm chừng nào hay chừng nấy... »

Tâm hồn nghệ sĩ (Tựa)

Cái cảnh trên này là cảnh thực, lại là một cảnh *tiểu thuyết* ; những câu « ...Tôi xin gửi anh và anh có thể cứ theo đấy mà tìm thêm một vài điều bổ ích cho quyển sách», anh cố viết gấp... » là thực của Lê-Mai tức Mai-đình nữ-sĩ là chứng chỉ là những lời *tiểu thuyết* ? Và nếu chính là những lời của Mai-đình, thì những lời ấy Mai-đình thốt ra từ bao giờ...

Tôi được một vài bạn nhà văn ở phương Nam cho biết rằng, ngày nay Mai-đình nữ-sĩ đã có một cái gia-đình : có chồng và hai con. Gia-đình êm ấm lắm. Cái gia-đình ấy mới là cái gia-đình thực, nó có khác cái gia-đình mộng tưởng ngày xưa...

Ông Lê-Minh hãy tưởng tượng, ngày nay nếu quyển sách của ông lọt vào cái gia-đình kia, sự động-tác của nó sẽ như thế nào? Vị phu-quân của Mai-đình đọc quyển sách nghĩ rằng vai chủ-động trong sách là người cùng mình đang chung sống ; những con của Mai-đình đọc quyển sách, nghĩ rằng Mai-đình nữ sĩ đây là người sinh ra ta...

Quyển sách của ông sẽ như một viên đạn chọc thủng phên tre vách đá, khơi đường cho gió lạnh, cho nghi ngờ, cho đau-đớn lọt vào cái gia-đình đẹp-đẽ ấy.

Nếu ông Lê Minh đã nghĩ đến cái quả-nhiên của việc mình làm như thế, tôi dám chắc khi ông cầm bút, ngòi bút của ông phải run lên vì thẹn-thùng và ân hận.

Những điều tôi viết trên đây không phải là giả thuyết. Vì « dư-luận sôi nổi » (theo ông Lê Minh), đã bao nhiêu năm qua mà người ta còn cứ đem cái mối tình kia ra mà mổ xẻ, mà bàn tán, Mai-đình nữ sĩ, ngày nay là một người mẹ hiền của hai đứa con thơ đã phải có một bài thơ như sau này đăng trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* số 185 ra ngày 30-10-1943 :

Quên

« Tôi tưởng hồn tôi đã mất rồi,
Cuộc đời có dọc mải theo tôi !
Nhưng thời gian giúp tôi mờ xóa,
Trong trái tim đau bóng một người.

***

Chồng tôi đem lại bao tươi đẹp
Những đứa con thơ gọi « mẹ, thầy »
Chồng biết yêu thương, con biết rìu mến,
Lòng tôi mờ xóa bóng hình ai !

***

Tôi biết tình tôi trong giấc mơ
Đâu bằng sự thật chứa chan thơ
Một trời tình ái trong tư tưởng,
Một phút kề vai cũng đủ mơ.

***

Con tôi lắm lúc ôm tôi hỏi,
— Này mẹ, yêu ai nhất mẹ nào ?
— Mẹ chỉ yêu Bà cùng Hưởng, Yên...
Và còn... nhưng biết nói làm sao ?

***

Sức mạnh thời gian vẫn cứ trôi
Gia đình hạnh phúc chiếm tim tôi,
Tôi vì bổn phận quên lời hứa
Quên cả trong tim bóng một người. »

(Bà Mai-đình)

Cái cảnh gia-đình của Mai-đình đẹp đẽ là thế, nên thơ là thế. Vì bổn phận đối với chồng, đối với con, Mai-đình đã « quên lời hứa », « quên cả trong tim bóng một người ».

Có người trách Mai-đình là « bạc » ; trách như vậy là quá đáng vì không phận rằng đã là người mấy ai lại không có những sự bồng bột, sự lãng-mạn của cái tuổi hai mươi. Sự bồng bột ấy chỉ như nước thủy triều, qua giờ ấy, phút ấy, nó sẽ tiêu đi và một bề sẽ lại lặng-lẽ. Mai-đình có thể yêu, nhưng sau khi yêu có thể nhận thấy rằng đời thực không giống cái mộng non mười năm về trước ;

(Xem tiếp trang 13)

(1) *Tâm hồn nghệ sĩ* — tôi phát tố.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 75.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tám ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa bính-thìn năm 1496, kê tên dưới này:

1. — **Đinh - Cương**, người làng Tiên - tảo, huyện Bình - hà (Thanh - hà), tỉnh Hải - dương. Nguyên tên chữ Cương viết « lực » bên; vua Lê Thánh-tông (1460-1497) đổi sang chữ Cương là bờ cõi. Năm tân-dậu 1501, hiệu Cảnh-thống, đang chức Đông-các hiệu-thư, phụng mệnh sung chức phó-sứ bộ cống. Khi Mạc Đăng-Dung tiếm ngôi, ông cải tiết theo Mạc để mưu toan tước lộc. Làm Lại-bộ thượng-thư của Mạc, được phong tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 72 b).

2. — **Nguyễn Thanh**, người làng Nghĩa-trai, huyện Gia-lâm, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 30 tuổi. Sau cải tiết theo Mạc, làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm Đông-các đại học sĩ vào hầu tòa Kinh-diên, tước Văn-đàm-bá. Là con Nguyễn-Oanh, đỗ tam giáp năm 1481, là ông nội Nguyễn-minh-Dương, đỗ thám-hoa năm 1550 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 81 a).

3. — **Đặng-miễn-Cung**, người làng Văn - mạc, huyện Bình - hà (Thanh-hà), tỉnh Hải-dương. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 45 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 72b) chép làm quan đến tự khanh.

4. — **Lê - Quỳnh**, người làng Tuy-lai, huyện Vũ-tiên, trấn Sơn-nam, (bia Văn-miếu và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 10, đều viết là làng Tuy-lai; *Đăng khoa lục* chép là Tri-lai). Làm quan đến hiến-sát-sứ *Khâm-định Việt sử* (quyển 25, tờ 26 b-27 a) chép khoảng tháng 11 năm mậu-thìn 1508, hiệu Đoan-khánh thứ tư, vua Lê Uy-mục (1504-1509) sai Lê-Quỳnh đem quân đi đánh Hắc-la-la, là một nước mọi ở Điền-nam, thuộc tỉnh Vân-nam, nước Tàu. Hắc la-la xâm-lấn đến Chu-quan là cửa ải thuộc châu Thủy vĩ, xứ Hưng - hóa đời bấy giờ. Vua Uy - mục sai Bắc-quân đô - đốc là Trần-thúc Mại làm hữu-du kích-dinh, phó - tướng là Phạm-nhất-Ngạc làm ký-lục, hai người đi trước. Sai Mỹ quận-công Lê-Quỳnh làm Trình-man tướng-quân, Đan khê bá Trịnh-Hựu làm phó, lĩnh các vệ quân Thần-vũ hiệu-lực điện-tiền và quân năm phủ, hơn sáu vạn người đi đánh đến Chu-quan chia lập bờ cõi. Lại sai bọn Lê Quỳnh đi kinh-lý đất Chu-quan thuộc châu Thủy-vĩ, xứ Hưng-hóa, sửa sang quan-ải, rồi đem quân về.

5. — **Triệu-nghị-Phù** (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 45 a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 57 b, đều chép là Triệu-tuyên - Phù; bia Văn-miếu viết là Triệu-nghị Phù; *Đăng khoa lục* lại chép xuống thứ sáu), người làng Đức-lạp, huyện Lập thạch, tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 35 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 57 b-58 a). *Đăng khoa lục* (quển 1, tờ 45 a) chép: « Văn đáng trạng-nguyên, bị truất ».

6. — **Phạm - cảnh - Lương**, người làng Bất-nạo, huyện Kim-thành, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Phụng-thiên phủ doãn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 91 a-b). Ở quyển *Đăng khoa lục* là sách in, không thấy chép.

7. — **Phạm-Giới** người làng Đô-dung, huyện Tiên-phong (tức Tân-phong), tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm 27 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 45 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 68 b).

8. — **Nguyễn-khiết Tú**, người làng Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Làm quan đến tham-chính. Là em Nguyễn-Húc, đỗ tam-giáp năm 1487. Là chú Nguyễn-hy-Tái, đỗ nhị giáp năm 1511, và Nguyễn-tự-Cường đỗ nhị giáp năm 1514. Sinh ra Nguyễn-Tảo, đỗ tam giáp năm 1514, và Nguyễn-hòa-Trung, đỗ tam giáp năm 1518 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 31 b) *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 45 a) chép nhầm là đỗ thứ năm bia Văn-miếu khắc vào hàng thứ tám.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 23

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

XVII. — Triệu-Xương

Những quyển Việt-sử chữ nho thường chia đời Bắc-thuộc từ năm nhà Hán lấy Nam-Việt của con cháu Triệu-Đà (111 trước T.-C.) đến năm Khúc Tiên-chúa tự chủ (906 sau T.-C.), làm năm thời-kỳ. Thời-kỳ thứ nhất từ năm 111 trước T.-C. đến năm 39 sau T.-C., có Trưng-vương làm vua được ba năm (40-42 sau T.-C.). Thời-kỳ thứ hai từ năm 43 đến năm 540, có nhà Tiền-Lý ba đời nối nhau được 60 năm (541-602). Thời-kỳ thứ ba từ năm 603 đến năm 721, có Mai Hắc-đế giữ châu Giao xưng hoàng-đế được một năm (722). Thời-kỳ thứ tư từ năm 723 đến năm 790, có Bố-cái đại-vương giữ phủ đô-hộ một năm (791). Thời kỳ thứ năm từ năm 792 đến năm 905.

Sau năm kỳ Bắc-thuộc ấy, có Khúc thừa Dụ ba đời, Dương-diên-Nghệ 14 năm, Kiều-công-Tiện một đời, Ngô-vương Quyền ba đời, và một thời-kỳ 12 sứ-quân, cộng tất cả 62 năm, rồi mới đến Đinh Tiên-hoàng chính-thống nước Nam. Tuy trong khoảng 62 năm ấy chưa hẳn là tự-chủ, nhưng đều là người nước Nam kế-tiếp nhau cai-trị lấy dân Nam, cho nên sử chép Khúc-thừa-Dụ là Tiên-chúa, tức là kể công xây móng đắp nền từ đấy.

Thời-kỳ Bắc-thuộc lần thứ năm ngang với nhà Đường bên Tàu. Bấy giờ người Tàu gọi ta là An-nam đô hộ phủ. Người sang làm đô-hộ hoặc kinh-lược hồi bấy giờ thì sử chữ nho chép đến hai ba mươi người. Trong đó có Triệu-Xương còn danh để tiếng đến ngày nay.

Triệu-Xương tên tự là Hồng Tộ, người đất Thiên-thủy bên Tàu, sinh vào đời Đường Đức-tông (780-803). Làm quan dần dần thăng đến thứ-sử Kiền-châu. Vừa gặp năm ấy là năm thứ bảy hiệu Hàm-thông (791) An-nam đô hộ là Cao-chính-Bình, bắt thuế nặng, nhân-dân ta oán: Phùng-Hưng nổi lên, Chính-Bình lo sợ rồi chết. Sau khi Phùng-Hưng mất, con là Phùng-An nối chức, giữ lấy phủ-thành đô-hộ.

Vua Đường nghe tiếng, cho Triệu-Xương sang làm đô-hộ. Khi Triệu-Xương đến nơi, sai người đem lễ-vật dụ Phùng-An. Phùng-An cũng sắm-sửa nghi-lễ ra đón và đem dân-chúng ra hàng. Vua Tàu nghe tin, thăng Triệu-Xương làm chức « kinh-lược, chiêu-thảo xử trí sứ. »

Triệu-Xương vào ở phủ-trị, đắp thêm La-thành, đạo khắp núi to, sông lớn, cổ tích, từ-đàn ở các đô-quận, chép làm một tập gọi là *Phủ-chí*. Ở phủ mười năm (791-801), vì có tật đau chân, dâng biểu xin vua cho người khác sang thay. Năm thứ 17 hiệu Trinh-nguyên (801) vua Đường xuống chiếu cho Binh-bộ lang-trung là Bùi-Thái làm đô-hộ.

Khi Thái đến nơi, sai quân-sĩ san bỏ những ngòi ao trong thành Đại-la và đắp thành Hoan, thành Ái, sau bị người tướng trong châu Giao là Vương qui-Nguyên đánh đuổi.

Triệu-Xương về Tàu, được thăng làm tế-tửu. Đường Đức-tông nghe thấy Bùi-Thái bị đuổi, bèn vời Triệu-Xương vào hỏi tình-trạng. Lúc bấy giờ Triệu-Xương đã ngoại 70 (có lẽ 79) mà tấu-đối rành-mạch: vua Đường lại cho sang làm đô-hộ.

Chiếu-thư sang tới châu Giao, người trong châu họp nhau lại mừng (*Việt-kiều thư* chép: đưa thư tới mừng), bọn đuổi Bùi-Thái đều yên ổn ngay. Năm ấy là năm thứ 19 hiệu Trinh-nguyên (803). Sau Triệu Xương thăng đến chức Lĩnh nam tiết-độ-sứ; vì có công-lao được thang Công bộ thượng-thư, gia hàm Thái tử thiếu bảo. Mất năm 85 tuổi, truy tặng Dương châu đại-đô-đốc.

Triệu Xương sang làm đô-đốc lần trước mười năm (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, q. 4, tờ 27 a, và *Việt-kiều thư*, q. 4, tờ 6 a, chép 10 năm; *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, q. 6, tờ 9 b, và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, ngoại-kỷ, q 5, tờ 6 b, đều chép 17 năm, có lẽ nhầm). Lần sau sử không chép rõ mấy năm, chỉ thấy chép năm Nguyên-hòa thứ ba (808) nhà Đường cho Trương-Chu làm đô-hộ, tức là Triệu-Xương mất năm ấy (808). Thế là làm đô-hộ có 15 năm, mà đức-nghiệp danh-vọng còn lưu truyền mãi đến bây giờ.

Hiện nay nước ta có làng Đan-loan thờ làm thành-hoàng ở đình, và phố hàng đào Hà-nội có một

(Xem tiếp trang 15)

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Khanh không nể mặt trẫm sao? Người trung-thần không ai nói thế. Trẫm rộng lượng, vua khác thì khanh đã không toàn tính-mệnh.

TRỊNH DUY-SẢN

Hoàng-thượng nên xét cho lòng thành - thực của lão - thần. Chính sự đổ nát lắm rồi. Muốn cho nước yên thì phải thề lòng dân, mà dân bây giờ ai cũng oán Vũ-như-Tô và lũ .. cung-nữ

BỌN CUNG-NỮ quỳ cả xuống

Trời ơi! thần thiếp có tội gì (Kim-Phượng nắm lấy vạt áo long-bào. Họ cùng khóc).

LÊ-TƯƠNG DỰC

Các khanh đứng dậy. Các khanh không có tội gì. (nhìn Trịnh duy Sản một cách giận-dữ) Người lui ra. Người lui ra. Cung nữ là phận liễu bồ, không hề bước chân ra khỏi Tử-cấm-thành, hỏi họ có tội gì? Có ai dọa làm tội thê-thiếp người không, Duy-Sản?

TRỊNH-DUY-SẢN

Chính họ đưa Hoàng - thượng vào con đường tửu-sắc, con đường đâm-dật, con đường xa-xỉ. Chính vì muốn đẹp lòng họ mà Hoàng-thượng cho xây Cửu - trùng - đài. Luận về tội thì họ là thủ phạm...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Đó là ý trẫm. Người không được nói nữa. Trẫm cấm người.

TRỊNH-DUY-SẢN

Và Vũ-như-Tô là chính - phạm. Nó đã bày vẽ ra diện trăm nóc và Cửu-trùng-đài. Hao tiền tốn của là vì nó; sưu cao thuế nặng là vì nó, triều-đình đổ-nát, giặc-giã như ong là vì nó. Kiệt-Trụ mất nước chỉ vì cái lệnh xây cung-điện. Xin Hoàng-thượng mau mau tỉnh-ngộ; tu-tỉnh thân mình, xa gái đẹp, đuổi Vũ-như-Tô, học thói thánh hiền, phục sức cho giản-dị, thương dân như con, kẻo họa cập đến thân hối không kịp nữa. Gương trước sờ sờ ra đó.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Duy - Sản, người bước ngay. Kẻo cái công hãn-mã của người trẫm không kể nữa.

TRỊNH-DUY-SẢN

Lão - thần không cần Hoàng-thượng nể công hãn - mã nữa. Nhưng xin Hoàng - thượng nghe nhời lão-thần, đuổi bọn cung nữ, chém Vũ-như-Tô...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Lão ương gàn, quân hủ nho...

TRỊNH-DUY-SẢN

Hủ nho, nhưng không ngu-muội ..

LÊ-TƯƠNG DỰC tuốt kiếm

Quân phản tặc, mi dám bảo trẫm là ngu muội. Để làm chi những quân yêu quái này.

TRỊNH-DUY-SẢN

Lão thần xin chết về tay bệ-hạ còn hơn là trông thấy ngày mất nghiệp (quỳ xuống vườn cỏ).

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Mi thách trẫm sao? (định chém)

Bọn cung-nữ (xô lại giữ lấy vua)

Xin thánh-thượng nể quận-công là một bậc đại-thần, huân công to tát...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Hủ nho mở mắt ra. Bụng mi còn kém bụng đàn bà! bước ngay cho rảnh mắt.

TRỊNH-DUY-SẢN

Ôi, cơ nghiệp nhà Lê!

Vái vua đi ra.

LÊ-TƯƠNG DỰC bảo cung nữ

Các khanh theo trẫm. Chỉ thương các khanh chỉ mắc tiếng oan. Mai trẫm sẽ giao cho Triều đình nghị tội tên giặc già đánh cho trăm trượng.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

KIM-PHƯỢNG giả đối.

Xin Hoàng-thượng tha cho hầu

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Tha làm sao được? Thôi các khanh theo trẫm, vua tôi ta vào cung yến ẩm vui vầy. Kia Vũ-như-Tô... Thôi ta đi, cho hắn làm việc.

(cùng ra)

Cảnh VII

VŨ-NHƯ TÔ

Cầm sổ và bút, ngồi trên một phiến đá, tính toán) Hai mươi vạn gỗ bắt người Lào tiến cống về được một nửa, chất đống cao như núi, toàn những gỗ quý vô ngần. Đá tự Chân-lạp tải ra mỗi ngày một nhiều (tính) hơn hai vạn phiến lớn bốn vạn phiến nhỏ... Một vạn thợ làm ở đây, mà tính ra mười mấy vạn thợ làm ở ngoài. Suốt đường cái từ Nam ra Bắc, xe bò liên tiếp ngày đêm không ngớt. Vua Lào phải dùng đến mấy nghìn voi tải gỗ, đường sá gập ghềnh hiểm trở! Triều-đình ngại ư. Ta quyết đánh tan hết những kẻ thoái-trí. Chư hầu oán hận mặc cho họ oán. Dân gian nổi lên? Không đáng kể. Ta dùng từ vua, quân, lính, đến dân, đến chư hầu để được việc. Không có một trở lực nào có thể ngăn đường tiến-thủ của ta. Khinh bạo táp ta dựng đài muôn thuở. Đã có sẵn tài, lại thừa cơ hội, ta quyết không

Số 8

chồn một bước (mơ mộng) Đài-cửu - trùng! Đài-cửu-trùng! Cao vời tới trời! Muôn phần tráng-lệ! Đài-cửu-trùng (mỉm cười lại cúi xuống tính toán.)

Có tiếng chuông thu không. Các thợ buông tay nghỉ. Họ ra về, chào:

— Kính chào ông Vũ.

VŨ-NHƯ-TÔ

Anh em về nhé. Ăn uống cho ngon, ngủ cho đẫy giấc.

(Thợ ra)

Cảnh VIII

VŨ-NHƯ-TÔ (chàng vẫn ngồi tính toán)

Lại còn việc Đan-Thiềm! Cái hèn của con người, thực không biết thế nào mà nói cho hết. Lòng họ hẹp, chí họ thấp, họ không hiểu được ta. Đối với Đan-Thiềm, ta chỉ có tình tri-kỷ, họ lại cho là tình dâm ô! Miệng lưỡi thế gian! Giữa triều-đình vụ lợi giam trong cung cấm nhơ-nhuốc, Đan-Thiềm trong sạch như viên ngọc quý, thơm tho như áng hương tiên; trí bà sáng như vừng nhật nguyệt, tình bà cao như mây biếc muôn trùng!

Ta có cần chi, khi ta không bận chút tà tâm! (nhìn đề bao quát đài đang xây, dở, chúng có biết đâu, không có Đan-Thiềm thì làm chi có Cửu-trùng-đài? Tình cao quý của bà bằng bạc ở chốn này, từ viên gạch nhỏ cho đến nóc nguy-nga. Vì có bà mà đường kiến-trúc của ta nảy ra những ngón dị-kỳ. Vì có bà, đài tỏ nên linh-hoạt. Ý-nghĩ dâm-ô nào tạo được cái đài cao cả vô-song này?

Đan-Thiềm vào

Cảnh IX

VŨ-NHƯ-TÔ. ĐAN-THIỀM

ĐAN-THIỀM

Tiên sinh còn tính-toán gì? Trời sắp tối còn chưa đi nghỉ.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin chào bà. Hôm nay, đài đã thành hình. Tôi đứng ngắm xem có điều chi khuyết điểm, để chữa ngay đi.

ĐAN-THIỀM

Quả thực là một kỳ công.

Họ cùng đứng ngắm

VŨ-NHƯ-TÔ

Những lời khuyên của bà thực là xác đáng. Chỗ nào bà bảo hỏng, chính là chỗ tôi cũng băn khoăn. Bà không phải là thợ, nhưng kiến-thức quả hơn những thợ lành nghề.

ĐAN-THIỀM

Tiên sinh quá khen. kiến thức đàn bà, tôi chỉ sợ nó di-hại che Cửu-trùng-đài.

VŨ-NHƯ-TÔ

Kiến thức bà giúp tôi nhiều lắm. Đài-Cửu-trùng đã nhớ bà mà có, lại nhớ bà mà toàn bích. Bà là mẹ đẻ ra đài này. Vì thế tôi thay đổi kiểu đài chút ít. Bao nhiêu cung điện bao nhiêu vườn hoa, tôi để quây cả vào một cái đài chính giữa, đài chính ấy tôi sẽ đem hết tài ra tô điểm cho nó thành một nơi hoa lệ nhất đời. Đài ấy, tôi sẽ đặt tên là đài Đan-Thiềm . . .

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

MỘT MỐI TÌNH

(Tiếp theo trang 9)

nhận thấy rằng cái hạnh phúc chân-chính không phải ở những sự dị thường, những sự « độc nhất vô nhị của đất nước của thế giới...», mà chính là ở những sự rất thường, ở một gia-đình với một người chồng và mấy con.

« Quên cả trong tim bóng một người », ấy là cái quyền rất nhân-loại của nhà thơ Mai-đình.

Lại có người bảo: « Bài thơ *Quên* chỉ tỏ rằng tác giả nó chưa quên ». Nói vậy cũng có lý, và tôi cũng tin như thế.

Nhưng nếu nó tỏ là tác-giả chưa quên nó cũng tỏ rằng trong thâm tâm tác giả đang có sự phấn-đấu để quên. Cái tình phu phụ, cái tình mẫu tử của Mai-đình thiêng liêng bao nhiêu thì sự phấn đấu ấy thiêng liêng bấy nhiêu.

Bổn phận của chúng ta là phải giúp Mai-đình trong sự phấn đấu ấy.

Đến đây, tôi mới có dịp trở lại với một câu tôi đã viết trên. Tôi nói « rất đỗi băn-khoăn » vì e cầm bút viết bài này có thể như tôi cầm bút để khơi một vết thương đang bàn miệng.

Ông Lê-Minh đã làm một điều thất sách, tôi lại vì ông Lê-Minh làm thêm một điều thất sách nữa. Nhưng tôi hi vọng những chuyện viết đây sẽ chỉ như những chuyện trong

« . . .giấc mơ
Đâu bằng sự thật chứa chan thơ
Một-trời tình ái trong tự tưởng
Một phút kề vai cũng đủ mờ.»

LÊ-THANH

Trả lời bài « Thấy đâu nói đó » của báo Thanh-niên

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỐ

Tiếng nước nào cũng vậy, có chữ chắp lại, hình như trái nghĩa nhau hoặc thừa nghĩa, nhưng không nên tách ra từng chữ, vì những chữ ấy đã thành ngữ, dùng đã quen, tức là những danh-từ có đã lâu, làm cho câu nói được mạnh-mẽ, được rõ-ràng thêm lên. Khoa ngôn ngữ-học gọi lối chắp chữ như thế là lối « loại-suy », do chữ tây là « analogie, servitude grammaticale ». Thí dụ, câu « cấm không được nói nhảm », tách ra từng chữ thì cho là thừa, vì đã có chữ « cấm », sao lại còn dùng chữ « không » ? Nhưng đấy là lối đôi tiếng, dùng đã lâu, không ai nhầm cả ; mà nói như thế, lại mạnh câu và rõ nghĩa.

Chữ « chẳng thà » cũng theo lối ấy, tức là một thứ chữ kép, không tách ra được, do câu phong dao : « Chồng con là cái nợ nần, Chẳng thà ở vậy, nuôi thân béo mầm » (chép trong *Tục-ngữ phong-dao* của ông Nguyễn-van-Ngọc, in năm 1928, quyển thứ hai, trang 55). Câu ấy nghĩa là có chồng có con là cái nợ duyên-kiếp, thà rằng đừng vậy, không đi lấy chồng để nuôi thân cho béo. Nếu tách ra từng tiếng một, thì có phải trái với nghĩa « ở vậy » không ? Vả lại ai cũng hiểu ngay, không thể lẫn được.

Nên cụ Nguyễn-Du đặt trong truyện *Kiều* một câu rằng : « Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau », nghĩa là thà khuất mặt đi một chỗ, còn hơn là trông thấy cho đau lòng. Ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch chữ « chẳng thà » là « còn hơn là » (plutôt que de), chứ không tách-bạch chữ « chẳng » là « không », chữ « thà » là « đành thế còn hơn » (*Kim Vân Kiều* của Thư-xã Alexandre de Rhodes xuất-bản năm 1942, trang 174). Không tách bạch ra như thế, rất phải, vì chữ « chẳng thà » là một thứ danh-từ phức-hợp, không phân giải ra được.

Bởi vậy, tôi mới dịch cho *Tri tân* (số 119, ngày 4 Novembre 1943, trang 10) một câu rằng : « Ta sắp vì đạo nho mà làm quan, thì đạo nho không thi-hành được, ta sắp vì cha mẹ mà làm quan, thì cha mẹ không còn, chẳng thà chết già ở đây còn hơn » : thế là tôi dùng chữ, đúng với phong-dao, đúng với văn *Kiều*.

Báo *Thanh niên* (số 28, ngày 11-3-1944, trang 6), ở mục *Thấy đâu nói đó*, lại hỏi rằng : « Chữ « chẳng » có nghĩa là không, vậy để *chẳng thà* là nói nghịch lại với ý muốn của mình sao ? » Tách ra như thế, mới nghe thì tưởng là đúng, nhưng chỉ đúng với người không biết câu ca-dao và không thuộc văn *Kiều* mà thôi ; còn ngoài ra, ai cũng cho là bẻ xẳng.

Câu *Kiều* không thuộc hay không hiểu đã đành, — tuy ông Vĩnh đã cắt nghĩa từng chữ rõ-ràng lắm. Nhưng đến câu ca-dao là câu cửa miệng đàn bà trẻ con, mà *Thanh niên* không biết, thì lạ thật ! Ấy thế mà dám hạ bút, dùng lời châm-biếm để hỏi một câu vô-vị như câu trên kia !

Ngôn-ngữ đã thành một khoa-học được non một thế kỷ nay : muốn bàn cách dùng chữ tìm tiếng, cần phải học qua sách J. Vendryes, *Le langage, introduction linguistique à l'histoire*, W. D. Whitney, *La vie du langage*. A. Darmesteter, *La vie des mots étudiée dans leurs significations*, Ch. Bally, *Le langage et la vie*, A. Dauzat, *La philosophie du langage*, và nhiều sách nữa (1).

Giá có học qua, thì đã biết ngay rằng tiếng nước nào cũng có lối đặt như lối « chẳng thà », « bất-thình-lình », « cấm, không được... ». Tàu có chữ « khởi cảm », nghĩa đen là « há dám », tức « không dám », mà nghĩa chính là « dám ». Tây có chữ « ne » là « không » cũng thế : ông F. Brunot (*La pensée et la langue*, trang 560, 732, v. v) dẫn mấy câu thí-dụ của các nhà văn-hào, rồi nói rằng : « Rõ-ràng ở những câu ấy dùng chữ *ne* không có lý tí nào, nhưng đó là dùng theo lối loại-suy ; nay tự ý bỏ đi cũng được » (Il est visible que là *ne* n'était point logique, mais analogique. On est du reste aujourd'hui libre de la retrancher).

Tiếng ta thì hơi khác, hiện giờ có vài chỗ chưa bỏ được : chẳng thế, sao ông Đào-duy-Anh lại phải dịch câu « Cela empêche qu'il aille avec vous » như sau này : « Thế là ngăn trở nó không được đi với anh » (*Pháp-Việt từ-điển*, trang 527). Đã ngăn-trở là có ý giữ lại, sao lại còn phải dùng chữ « không » ? Nhưng không phải thừa : sách ngôn-ngữ, dẫn trên kia, đã giải nghĩa vì sao các tiếng Âu châu có những chữ chắp lại, mà lại trái nhau như thế. Ở đây tôi chỉ nói qua về câu « cấm không được nói nhảm » và câu « chẳng thà ở vậy » : câu trên

nghĩa là « cấm, — không cho người ta nói nhảm », câu dưới nghĩa là « chẳng lấy chồng, thà ở vậy ». Có lẽ lúc đầu cũng đặt như thế, sau nói nhanh, hóa hụt tiếng ; nhưng người ta vẫn quen dùng và quen nghe, rồi thành danh-từ, không ai để ý đến tiếng một, không ai tách-bạch như tác giả bài *Thấy đâu nói đó* của báo *Thanh niên*.

Tác-giả đã hay tách-bạch, sao không tách bạch cả câu van của tác-giả, để chữa cho gọn, cho khỏi lúng-túng như câu : « Vậy dễ *chẳng thà* là nói nghịch lại với ý muốn của mình sao ? » Giá tác-giả nói : « Vậy dùng chữ *chẳng thà* là trái với ý mình hay sao ? », có phải đủ nghĩa mà nghe ngay ra không ? Thảo-nào tục-ngữ có câu : « Chuyện mình thì quáng, chuyện người thì sáng » !

Không những thế mà thôi : tác-giả lại nói câu này nữa, cũng ở mục ấy, trang ấy, nhưng về chuyện khác : « Tuyệt-nhiên về giá trị quyển sách, cách nghiên-cứu như thế nào, ông không dỉ hơi một tiếng ». Nếu bắt-chước tác-giả tỉ-mỉ từng chữ, thì sẽ hỏi tác-giả rằng : « Đã không *dỉ hơi*, sao lại *một tiếng* ? » Thảo-nào ca-dao có câu : « Cười người phải nghĩ đến thân, Thử sờ lên gáy xem gần hay xa ! »

Còn lối đề tựa, cũng không hiểu nổi. Có ai nhờ người đề tựa, lại bắt người ta phải nói đến « cách nghiên-cứu như thế nào » không ? « Cách nghiên-cứu như thế nào » đã có phàm-lệ của người làm sách, không việc gì đến người đề tựa.

Xem như thế, có phải là rõ-ràng tác-giả bài *Thấy đâu nói đó* của báo *Thanh niên* cần phải học thêm, thì mới có thể bổ-ích cho độc-giả được không ? Ván kiệt-tác như truyện *Kiều* mà không biết, lời truyền-khẩu như câu phong-dao cũng không, chỉ biết tra tự-vị, nhưng lại gặp phải tự-vị thiếu, thành ra chỉ « thấy đâu nói đó », không tìm-tòi suy-nghĩ gì cả : thật đáng phàn-nàn thay cho độc-giả *Thanh-niên* !

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Trong Tri-tân, *cũng số 119 ngày 4-11-1943, tôi viết trang trên (trang 9) một câu : « Thà chết chứ không chịu nhục », trang dưới (trang 10) một câu : «... Chẳng thà chết già ». Giả bắt chước các nhà làm mẹo Âu-châu như Michel Bréal,* Essai de sémantique, *Henri Delacroix,* Le langage et la pensée, *Christophe Nyrop,* Linguistique et histoire des mœurs, *v. v., tôi sẽ viết một câu mẹo đại-ý như thế này : « thà » với « chẳng thà » giống nghĩa nhau, « chẳng thà » mạnh nghĩa hơn, thường dùng ở giữa câu hoặc giữa mệnh-đề, thí-dụ : « Thà ban lỗ, chẳng thà sách rỗ về không ; Thà ăn đâu, chẳng thà ăn giàu cách mặt » Nguyễn-văn Ngọc,* Tục-ngữ phong dao, *tập trên, trang 320) ; chữ « thà » bao giờ cũng đặt ở đầu câu, thí dụ : « Thà rằng chẳng biết cho đừng, Biết ra dan-díu nửa chừng lại thôi » (Nguyễn-văn-Ngọc,* Tục-ngữ phong-dao, *tập dưới, trang 189).*

Còn câu « Thà chết không chịu nhục » là dịch ở chữ nho « Ninh tử vô điểm » ; — « chẳng thà chết già ở đây » dịch ở chữ « ninh an ư thử dĩ chung lão hồ ». Hai chữ cũng chữ « ninh » dịch ra, sao lại dịch một câu là « thà », một câu là « chẳng thà » ? Tại câu trên chỉ có chữ « ninh », câu dưới vừa « ninh » vừa « an ». « Ninh » là « thà », lại có nghĩa là « sao ? », « an » cũng có nghĩa là « sao ? » : hai chữ liền nhau mà cùng một nghĩa, nên phải dịch là « chẳng thà ». Câu ấy lại có chữ « hồ » cũng nghĩa là « sao ? », cho nên phải dịch như thế cho mạnh câu, nhưng vẫn rõ nghĩa, không ai hiểu nhầm, vì chữ « chẳng thà » như tôi đã nói trên kia là một tiếng thành-ngữ, truyện Kiều *và ca dao đều dùng cả, ai cũng biết, chỉ có báo* Thanh niên *không biết mà thôi, nên bạ đâu nói đấy !*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 11*)

ngôi đình của người làng Đan-loan ra ở đấy dựng lên để thờ vọng.

Việt-điện u-linh (sách viết của Trường Bác-cổ, số A 751, tờ 90 a-91 b) có chép truyện Triệu-Xương tôi lược dịch như sau này : Triệu-Xương làm An-nam đô-hộ đời Đường, thường ngồi xe đi tuần trong hạt, đi đến làng Vinh-luân huyện Đường-an, tỉnh Hải-dương (nay thuộc phủ Bình-giang : đời Lý và đời Trần gọi là lộ Hồng, đời Lê gọi là Thượng hồng ; Đường-an với Đường-hào nguyên xưa là một, trung-gian chia phía tây-bắc gọi là Đường-hào, còn vẫn tên Đường-an ; Đan-loan xưa là Đan-luân, đời Gia-long đổi là Đan-loan), trông thấy non sông đẹp-đẽ, đất rộng người nhiều, có nơi hóng mát, có chỗ dừng xe, cảnh trí thiên nhiên, ngắm nghía mãi mà không chán, nhân dựng nhà học ở làng để ở, gọi là « Đông-giao hương-hiệu » (nhà học cõi Đông). Từ bấy giờ những học-trò tuấn-tú và dân xứ đông đều đến thụ nghiệp, dân gần đấy đều được nhờ ơn giáo-hóa, người phương xa nghe tiếng xúm lại như mây họp : Thôn ấy càng ngày càng đông. Lúc đầu còn gọi là « Độc-thôn » (thôn học) sau biệt-hiệu gọi là Đan-luân-xã. Học-trò ở nhà học ấy phần nhiều thành đạt, cho nên khi Triệu Xương mất, học trò và nhân-dân khóc nhớ như cha mẹ, bèn làm đền thờ ở cạnh nhà học. Các vua triều Trần triều Lê phong ông là đại-vương phong bà là công chúa.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tin văn

I) Mộ Nguyễn Trường-Tộ tiên-sinh đã hoàn thành

Năm 1941, viết quyển « *Nguyễn Trường-Tộ* », tôi có bỏ ra số tiền nhuận-bút và hô hào quốc-dân nên giúp vào việc xây mộ tiên-sinh, một bậc tiền-khu của chúng ta trên bước đường tiến-hóa.

Nhờ có lòng sốt sắng của một số đồng bào ở Thanh, Nghệ, số tiền quyên giúp cộng với số tiền nhuận-bút được hơn bốn trăm bạc.

Tiền đó đã giao cho ông linh mục Xã-đoài là cố Laygue nhờ cố cùng gia-đình Nguyễn-trường ở Bùi-chu trông nom việc xây mộ.

Nay tôi mới tiếp được thư của người cháu ruột Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh là ông Nguyễn Trường-Võ cho biết rằng mộ đã hoàn-thành :

Muốn cho hợp với tính-tình của tiên-sinh, mộ ấy rất đơn-giản :

Mộ gồm hai tầng đá Thanh hóa có chạm-trổ một cách thanh-nhã : một tầng nằm có hai cấp và một tầng dựng khít liền ở đầu mộ để làm bia.

Trên mặt bia, có bài tiểu-sử sau này bằng quốc-âm :

Phao-lồ Nguyễn Trường-Tộ

Quán thôn Bùi-chu, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an. Sinh năm Minh mệnh thứ chín, ly-trần năm Tự đức thứ hai-mươi-bốn. Tư chất thông minh tài ba lỗi lạc, giỏi chữ Tàu thông tiếng Pháp. Năm Tự-đức thứ 13 cùng đức giám-mục Ngô Gia Hậu sang Tây ; ở Đại pháp mấy năm, những lưu tâm quan-sát về tất cả các khoa-học, hầu đem về giúp cho nước thịnh dân cường : lúc về nước, giúp chung-đường, giúp chính phủ, thiết-tha mến nước yêu nòi, thảo nhiều phiến tấu xin Triều-đình cải-cựu, canh tân về mọi phương-diện, vui lòng hiến thân giúp việc khai-hóa. Tiếc thay quốc dân muộn thì nảy lộc, tiên-sinh lại sớm ly-trần lúc mới 43 tuổi. Được ân-tứ :

Kim-tiền tòa Thánh (1860)

Kim-tiền Đại-Nam (1868)

Truy-phong : Gia-nghị đại-phu hàn-lâm-viện trực học-sĩ (1924)

Để tỏ lòng kính kẻ sĩ hiền, hững bực vị vọng trong nước đã cộng tác xây lăng dựng bia làm kỷ-niệm.

MCMXLIII

Kèm hai bên bia có đôi câu đối nôm :

Kính Chúa, yêu người hằng tạc dạ.
Trung Vua, mến nước vốn ghi lòng.

Ở hai bên bia có đôi câu đối chữ :

Trung quân chính-sách quang tiền sử,
Ái quốc tinh thần khởi hậu nhân.

Trên mặt tầng đá nằm, thì có khắc những dòng chữ kể tên, tước và kèm theo đôi câu đối mà sinh thời tiên-sinh vẫn thường ngâm để tỏ-chí ý mình.

TỪ-NGỌC

II) Một giải thưởng văn học

Vừa rồi hội Khuyến học Nam kỳ có tặng một giải thưởng chung cho hai ông :

Bác sĩ Lê văn Ngôn về cuốn « Bịnh ho lao » và *giáo sư Hoàng-xuân-Hãn* về cuốn « Danh từ khoa học ».

Bác sĩ Lê văn Ngôn, là một thanh niên rất ưa hoạt động không những trong phạm vi nghề nghiệp mà cả trong giới văn học.

Ông là hội trưởng hội Khuyến học Cần Thơ. Vừa rồi với một số văn hữu trong Nam ông có cho ra tập Xuân Tây Đô rất được hoan nghênh.

Giáo sư Hoàng-xuân-Hãn ở Bắc hà không ai còn không rõ. Hiện giáo sư đang viết giúp tờ Khoa Học và đang gắng dùng việt văn để viết khoa học thái tây.

Chúng tôi lấy làm mừng thấy hai ông được tặng thưởng rất đích đáng và mong rằng hai ông cố gắng để làm giầu cho kho sách quốc văn bằng các tác phẩm khác.

MẠNH PHAN

Cải chính

1) Tri Tân 130 — tr 15, cột 3 : câu « non sông kim cổ đôi trông mở » xin đọc là . . . trông mở ?

2) T. T. 133 — Bài xã thuyết trong Thi ca Việt Nam tập nhất của Hoa Bằng vì một lẽ riêng nên có nhiều chỗ gián đoạn, xin các bạn lượng thứ.

3) T. T. 134 : tr. 3. cột 2 : câu « Lòng mong quân phụ » trong bài dịch thơ cổ của Trúc khê xin đọc là « Lòng mang . .

4) T. T. 135 tr 23 cột 3. câu « Tình tư kỷ cảm ngày mưa gió » trong bài của bà Vân Đài xin đọc là : Tình tri kỷ T. T.

Thăm dấu người xưa : Cố Lê vong thần

Lê-Quýnh
(1750-1805)

« Đầu có thể chặt được, tóc không cắt được
Da có thể lột được, áo không thay được. » (Lê Quýnh)

TIÊN-ĐÀM

Ở gần vườn Bách-thảo Hà-nội có một ngôi đền nhỏ thờ các vong thần nhà Hậu Lê, khi trước có quốc tế, đến nay đã bỏ, trong đền bài vị thứ nhất là *Trưởng-phái hầu Lê-Quýnh*. Lê Quýnh là người thế nào, trong sử sách đã nhiều phen nói đến. Chúng tôi, nhân nghỉ Tết, về thăm quê-hương ông, có tìm được một quyển sách của họ Lê nhan đề là « *Bắc hành lược biên* » kể lại hành-trạng của ông ở Tàu, vậy nay xin dựa vào tài liệu ấy và tham khảo với các tài liệu khác mà viết lại thiên thảm sử về Lê mạt và tiết tháo cùng lòng hi-sinh của một người tôi trung buổi ấy.

Tiểu sử — (dưới đây là dịch nguyên văn bài mộ chí của Cố Lê Trưởng phái hầu Lê Quýnh do cháu nội về chi thứ hai là Tố nhớ hành trạng ở *Bắc-hành tùy ký* mà chép vào bia).

« Ông nội tôi họ Lê, tên Quýnh, sinh năm Canh-ngọ (1750) niên hiệu Lê Cảnh-hưng, là con trưởng cụ tôi, Tiến sĩ khoa Quí-hợi (1743) Hình bộ Thị-lang Đại-nham hầu.

Năm 21 tuổi, ông tôi được bổ cho sinh trong Chiêu văn quán, đến năm Bính ngọ (1786) đời Cảnh-hưng xuất thân làm quản binh, phụng chiếu phủ dụ ở Giang bắc, về được phong tước bá, năm ấy đã 37 tuổi.

Mùa đông, năm Đinh mùi (1787) hiệu Chiêu-Thống nguyên niên, quân Tây-sơn vây thành Thăng-long, xa giá vua Lê phải đi Lạng-giang, ông tôi đem gia đình theo hộ giá được phong Trưởng phái hầu.

Ông tôi lại phụng mệnh đi tìm Thái-hậu và Nguyên-tử lúc ấy ở đạo Cao-bằng, bị quân Tây sơn bức bách, bèn chạy sang Nam-ninh nước Tàu. Rồi việc cầu viện đến tai vua nhà Thanh, vua Thanh sai ông tôi từ đường bể Quảng-đông trở về do-thám tình-hình trong nước. Khi đã phục mệnh, được ban đai mũ Tổng-binh. Rồi vua Thanh sai Tổng-đốc Lưỡng Quảng Tôn-sĩ-Nghị mang binh sang cứu giúp.

Mùa đông, năm Chiêu-Thống thứ hai (1788), khắc phục được kinh thành Thăng-long, xa-giá vua giở về chính vị, ông tôi được ban kiếm ấn và tổng-đốc việc binh lương, sau lại cải thụ chức Đồng-binh-chương-sự ; nhưng ông tôi đau, xin cáo về.

Mùa xuân, năm Chiêu Thống thứ ba (1789) quân Tôn-sĩ Nghị thua vỡ, xa-giá vua Lê phải chạy sang Tàu, ông tôi đã hơi đỡ bệnh, liền họp các đồng-chí mộ quân nghĩa dũng để chờ đợi quân Tàu.

Từ mùa hạ đến mùa thu, không tin tức gì. ông tôi bèn cùng đường đệ là Siêu-lĩnh-hầu Lê doãn-Trị (1), Lê thần là Trịnh Hiến, và Lý-bình Đạo, tìm đường sang Yên-kinh để cầu quân Thanh lại cứu nữa

Khi tới nơi, nghe tin vua Lê và những bầy tôi tòng vong đều bị ngờ rời Thanh ép cắt tóc rồi. Người Thanh lại bức bách ông tôi cắt tóc, nhưng ông tôi không chịu, bị giam những 13 năm, cuối cùng vẫn không chịu khuất, ông tôi có thơ rằng :

Thân hệ tràng can hoài tố tiết
Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung

Dịch :

Ngục tối mấy từng ôm tiết trắng.
Tóc xanh một sợi tỏ lòng son.

Những thơ các bạn ông tôi đáp lại mỗi người một khác. Vua Lê có đề nhan tập thơ ấy và đặt tên là *Tứ Công tập* (tập thơ của bốn ông (?)). Người Thanh cũng khen là bốn nghĩa sĩ.

Năm Nhâm tuất (1802) hiệu Gia Long nguyên-niên, nhà Tây sơn đã bình, khâm phụng ngự phê cho phép bác tôi là Doãn Trắc theo sứ bộ sang Tàu dò thăm tin tức vua Lê và ông nội tôi.

(*Xem tiếp trang 21*)

Vấn đề tiếng ta

(*Tiếp theo trang 7*)

nên phải cắt nghĩa theo điển « Tam hỏe », không thể theo điển « hỏe-an » như ông Lê-Văn được.

Theo chỗ tôi xét nhận, thì chữ « mộng hỏe » với chữ « mộng hùng » cùng là điềm sinh con trai, nhưng có phân-biệt :

Mộng hỏe là điềm sinh con trai, nhưng con trai làm nên qui hiển tức là ý hạn định (sens déterminatif).

Mộng hùng cũng là điềm sinh con trai, nhưng bất luận là tầm thường hay qui hiển tức là nghĩa phổ thông (sens général).

Chữ « mộng hùng » thì ai cũng dùng được nhà qui hay tiện như câu: *Từ nay nhắn nhủ thế thường : Ai ơi xin chớ ngâm chương mộng hùng* của cụ Cao Bá Nhạ, có ý thiết tha nói, nếu sinh con trai mà không nên công cán gì, thì thà đừng sinh ra nữa.

Đến như chữ « mộng hỏe » chỉ dùng vào những nhà có con qui hiển.

Vì thế, tôi thấy ông Phan-Hàn-Khanh, tác-giả quyển « *Sự tích đức Thánh Trần* » đã dùng chữ « mộng-hỏe » có chủ ý như tôi giải ở trên, chứ nếu không dụng tâm đặt chữ theo qui tắc, thì tác-giả còn lạ gì hai chữ « giấc-hỏe » mà lại cầu kỳ tìm dùng chữ « mộng hỏe » để đến nỗi ông Lê-Văn phải thắc-mắc.

Xem thế, đủ biết tác-giả « *Sự-tích đức Thánh Trần* » là một nhà túc nho, hành-văn có qui-củ.

Trong bài ông Lê văn, ông lại nói :

« Do đó mà ngày nay, nói đến giấc ngủ mơ màng người ta thường dùng điển nói bóng là Nam kha như trong Cung-oán ngâm khúc :

Giấc Nam-kha khéo bất bình.

Cũng có khi nói là « giấc hỏe » như trong Kiều :

Tiếng sen sẽ động giấc hỏe. »

Như trên, thì ông Lê-van cho giấc Nam kha, giấc hỏe là giấc ngủ mơ-màng. Thế thì sai.

Theo cách hành-văn và dụng-tự của các cụ tiên nho, tôi tế nhận thấy mỗi chữ có một nghĩa riêng, nếu ta chịu khó xét nhận kỹ càng.

Chữ « *giấc Nam-kha* » ông Lê-văn dẫn điển Hỏe an mộng mà ông không tế nhận đến cùng.

Theo thiển kiến tôi, chữ « giấc Nam kha » dùng nghĩa đen là một giấc ngủ mơ thấy công danh phú qui. Vì thế, nên các nhà văn đem dùng vào nghĩa bóng nơi các cuộc công danh ở trên đời, ngụ ý cũng như giấc mộng tan ngay không có gì là trường cửu. Nên trong *Cung oán ngâm khúc* có câu :

Giấc Nam-kha khéo bất bình
Bằng con mắt giậy thấy mình tay không !

Tại là Cung-phi, mới dùng chữ « *Nam kha* » và tại có chữ « *Nam kha* », dưới mới có câu « *thấy mình tay không* », là có ý nói công danh vinh hiển cũng chẳng ra gì.

Đến như chữ « giấc hỏe » có thể dùng hai nghĩa : Một nghĩa nói về công danh phú qui như chữ Nam kha; một nghĩa như chữ giấc hoa, giấc ngủ của giai nhân và nói cho đẹp lời, nên cụ Nguyễn Du mới viết :

Tiếng sen sẽ động giấc hỏe,
Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần.

Trên có chữ « sen », là hoa sen, nên dưới dùng chữ « hỏe » cho đẹp lời, chứ chữ *giấc hỏe* ở trong *Truyện Kiều* mà ép vào điển Hỏe-an mộng thì thật tôi không dám chịu.

Nhân nói đến chữ *giấc*, tôi xin kê luôn ra đây thêm những chữ *giấc* có phân-biệt : (5)

Giấc bướm — cũng như « giấc điệp » :

Vì trước ân mê say giấc bướm, lặng qua năm trống biếng chơi bời
Thì đầu non phút chốc lẫn gương loan, cách quãng một năm càng ảy nảy

Vô danh

(Trung thu thưởng nguyệt phú)

Giấc cô miên — Giấc ngủ một mình, thường dùng để nói người đàn bà góa hay đàn bà xa chồng :

Đêm khuya vắng vẻ giấc cô miên
Một tấm lòng quê, một bóng đèn.

(Huyền Ani Ng Vô Cầu)

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê
của Nam-Cao giá 2$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút danh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam ; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam Cao.**

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết
của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân
của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Lạnh lùng thay giấc cô miên
Mùi hương tịch mịch, ngọn đèn thâm u!
(Cung oán)

Giấc điệp — dịch chữ « mộng điệp », tức là giấc ngủ do tích, Trang-Chu ngày xưa nằm mơ thấy : mình hóa ra bướm.

Chàng rằng : giấc điệp vừa say,
Dạo con nàng bỗng cầm tay gần kề.
(Quan âm)

Giấc hành môn — Giấc ngủ của người ẩn dật :

Cùng nhau một giấc hành môn
Lau nhau ríu rít cò con cũng tình
(Cung oán)

Giấc hoa — do câu : Hải-đường thụy vị túc da ? (nghĩa là hoa Hải-đường kia ngủ chưa đủ giấc du ?) Ấy là nhời vua Đường-minh-hoàng nói khi vào cung thấy Dương Quý-phi còn ngủ. Các nhà văn sau thường dùng để tả giấc ngủ của người đàn bà.

Đang khi mơ mẩn giấc hoa
Chánh cung chợt thấy sao sa cửa rồng
(Hoàng trừu)

Giấc hoàng lương — Xem chữ « giấc kê vàng ».

Thiên tử vạn chung đành sẵn có
Giấc hoàng-lương chợt tỉnh thấy đâu nào.
Thấy người vẫn ngỡ chiêm bao.
(Vô danh)

Giấc Hồ — Cũng như chữ « giấc điệp » :

Giấc hồ nửa gối mơ màng
Chiền đâu đã lọt tiếng chuông mái đầu
(Hoa Tiên)

Giấc hương quan — giấc ngủ mơ nhớ nhà :

Mối tình đôi đoạn vò tơ.
Giấc hương quan luống lần mơ canh dài.
(Kiều)

Giấc mai — Cũng như « Hồn mai » tả về sự gặp-gỡ đàn bà đẹp, hay giấc ngủ của đàn bà :

Thống chế Pétain đã nói :

Các người nên chút hết lòng oán-hận, vì oán-hận chẳng làm nổi việc gì, có vui-vẻ và thân ái nhau mới làm được việc này việc khác.

Giật mình thoát tỉnh giấc mai
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
(Kiều)

Giấc kê vàng — dịch chữ « Hoàng lương mộng » :

Giàu sang thấm thoắt giấc kê vàng
(Vô danh)

Giấc nồng — giấc ngủ say :

Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thiếm thiếp giấc nồng chưa phai
(Kiều)

Giấc phần du — cũng như « Giấc hương quan » nhớ nhà nhớ quê :

Chung tình hai chữ khen ai đặt
Một giấc phần du tỉnh lại say.

Giấc tiên — giấc ngủ của đàn bà, dùng nói cho đẹp lời :

Nàng thì bẩn-bặt giấc tiên,
Mụ thì cầm cặp, mắt nhìn hồn bay.
(Kiều)

Giấc vàng — giấc ngủ ngon quý như vàng hay giấc ngủ của con gái đẹp, dùng cho đẹp lời (chữ « giấc vàng » có thể dùng cả về đàn ông và đàn bà) :

Chàng liền sực tỉnh giấc vàng,
Mắng rằng mơ mẩn hồi nàng Xuân Hoa
(Hoàng Trừu)

Giấc xuân — dịch chữ « xuân miên », nghĩa là giấc ngủ êm ái như ngày xuân, thường dùng để nói giấc ngủ của người con gái :

Thảng-Vân sực tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi-han.
(Kiều)

(còn nữa)

LONG-ĐIỀN

---

1) Muốn cho tiếng Annam giàu — Phụ nữ tân văn số 21, 10-9-1929

Chữ Quốc-ngữ ở Nam kỳ với thế lực — Phụ nữ tân văn số 28, 7-11 1929.

Vấn đề viết chữ quốc ngữ cho đúng — Phụ nữ tân văn số 34, 26 12 1929.

Vấn đề thống nhất tiếng Việt nam — Phụ nữ tân văn số 37, 16 1 30.

Đính chính những chữ mà người ta hay dùng sai — Phụ nữ tân văn số 43, 13-3 30.

Người Việt nam phải viết quốc ngữ cho đúng, dùng danh từ cho đúng — Phụ nữ tân văn số 56 12 6 30

Đính chánh lại cách xưng tên của người Việt Nam — Phụ nữ tân văn số 58, 26 6-30.

Một điều trông cậy ở các nhà giáo Phụ nữ tân văn số 62, 24 7 30

Soát lại mấy cái danh từ người mình thường dùng — Phụ nữ tân văn số 69, 11-9 30.

Về cái ý kiến lập hội « chấn hưng quốc học của ông Phạm Quỳnh — Phụ nữ số 70, 18 9 30.

Phép làm văn — Phụ nữ số 71,72, 73 76 77.

Cái quan niệm sai lầm của quốc dân ta đối với sự học sự viết chữ quốc ngữ — Phụ nữ số 81, 11 12 30.

2) Người Nam cần phải viết đúng tiếng Nam — Tri Tân số 86,11-3-43.

Cho tiếng ta được phong-phú và thuần túy — Tri Tân số 90, 8 4-43.

Một vài nhận xét — Tri Tân số 117, 21 10-43.

3) Sự tích đức thánh Trần tân truyện — Phan Hàn Khanh soạn in nhà in Mạc đình Tư 1914

4) Xin xem tra nghĩa chữ nho của cụ Ứng hòe Nguyễn văn Tố Tri Tân số 58, 5-8 1942.

5) Văn liệu Từ Điển của Long Điền Nguyễn văn Minh, Quảng vạn Thành Hanoi — Haiphong xuất bản.

ĐỀN TAM-TRUNG

(Tiếp theo trang 5)

Làm con nhứt nguyện đền dưỡng dục,
Chỉ trong tiệc thọ chút mừng lòng!
Lìa xa đường trường ngàn dặm thẳm,
Con thơ, vợ yếu náu-nương cùng!
Giữ thành một tháng ba ngày lẻ,
Phận tôi sức hết khó đặt xung.
Ta không giữ được toàn đất nước,
Ta nguyền một thác vì non sông!
Mờ mịt vừng mây doanh sản khuyết.
Tình khôn xiết kể luôn trông mong,

2·) Bài văn thành phục tế quan An-sát Cao-bằng Phạm-Trạc tử tiết.

(Rút trong « *Nhẫn trai văn tập* », quyển nhứt, của ông *Lê-Hoàng*, nguyên giáo thọ phủ Tiên-hưng, triều Minh-Mạng, đỗ cử nhơn đồng khoa với Phạm-Trạc).

Hỡi ôi! Cha (2) mất cách đây mấy tháng, ngày nay con mới được hay. Binh triều chưa đến đường sá xa xuôi cách trở, có nghe đồn cũng không tin chắc được. Nhơn ngày tháng nầy, có lịnh trên Bộ Hộ ân truất tiền vua, mới biết rõ tin cha mất là xác thực. Tuy ngày tháng chưa tinh tường, nguyên do chưa rõ thấu; nhưng được tin buồn, tất phải làm lễ thành phục.

Hỡi ôi! Cha xuất thân nhà khoa mục, trước kia làm quan tới chức Lang-trung, sau bổ ra làm Án-sát-sứ tỉnh Cao bằng, chưa được tám tháng, có bọn cướp thổ xuất động. Từ đó không còn tiếp được âm thơ của cha nữa. Bỗng nghe tin dữ, dò hỏi mấy người ở Cao-bằng tới đây đều nói rằng: cha cùng với quan Bố-chánh đến ngày nay, đối với giặc, vẫn bế thành cố thủ, hết sức dương cự, chỉ còn kế chết để trọn chức vụ kẻ giữ thành. Việc ấy thế nào đã có công luận phẩm bình, con còn nói làm sao nữa?

Nhưng sở dĩ đều đáng đau đớn là ông nội, bà nội tuổi cao sức mỏn, phận con thơ ấu dại khờ làm sao thay thế cha lo kham việc phụng dưỡng ông bà. Suốt tám năm dài đăng đẳng, ông bà mắt mòn đáo đáo trông con, cảnh ngoài xa ngàn dặm, những hình sắc nói cười chỉ có nhận thấy trong bức thơ về, trong dòng chữ viết! Kìa mới mùa xuân rồi đây, nhơn cha vâng mạng đi trấn Cao-bằng, hôm ấy cha con, ông bà con cháu được đoàn tụ một phen. Cái mộng vui chưa được tỉnh, nào hay ngày ấy là ngày vĩnh quyết! Cuộc hoan hiệp có bao lâu, mà nỡ biệt ly vô cùng vậy!

Trời có bố hóa cho cha được vẹn trọn tiết nghĩa, mà nỡ nào đoạt phần bảo học của con đây, đoạt mối yêu đương của tổ phụ tổ mẫu. Cha mất đã yên phận đó, kẻ còn đây mới liệu làm sao?

Hỡi ôi! Quan san cách trở, hồn phách yên nơi, mẹ, em khốn khổ, tin thực chưa tường (3), thăm thẳm trời xanh, bao giờ yên được!

Tuy nhiên cha sống thời ân nghĩa nặng, cha thác lại vẹn chữ trung thành. Cái khí hạo-nhiên lan khắp cùng vũ trụ, thời việc chết, việc sống của cha nào có khác nhau chi đó.

Nhà cũ ở thành Nam, lúc xanh thời cha từng tụ hội nơi đó. Nay nhờ tổ phụ mẫu bày lễ chiêu hồn, cầu nguyện hồn cha trở về cố quán.

3·) Bài hát nói vịnh ba vị tử tiết của ông Tuyết-trang Trần-văn-Ngoạn (đã đăng trong Tạp-chí Nam-phong số 7, năm 1918)

« Tật phong hàn tuế phân kiên nụy,
« Thái lĩnh hồng mao đẩng trọng khinh (4)
« Khả khen người chống giữ cô thành,
« Vì ân nặng phải lấy mình làm nhẹ.

Đã có bán

LY TAO

(Một trong lục tài tử của Tàu)

Tập thơ bất hủ của Khuất Nguyên người mà tới nay ta còn nhớ giỗ là Tết mồng 5 tháng 5.

Bản dịch của Nhượng Tống
Sách dày 136 trang khổ 17-23
Bìa litho 5 màu — Giá 6 $ 00

Sắp có bán

TRIẾT HỌC
ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA

Một trong những công trình vĩ đại nhất của tư tưởng nhân loại gồm cả triết học, khoa học, luân lý, chính trị, luận lý.

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

« Dù thảng thốt thung dung thời mặc thế,
« Song cũng liều tiết đá với gan vàng.
« Miếu Tam trung nghi-ngút khói hương,
« Dấu thơm để làm gương thiên cổ.
« Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
« Lưu thử đơn tâm chiếu hãn thanh (5)
Mượn lời xưa mà vịnh kẻ trung trinh.
Mừng thế đạo đã gây nên khí tiết,
Cột trời đất dựng nền Nam Việt,
Đem tánh danh mà ghi với sắt son.
Nam nhi tính cuộc vuông tròn »

4) Rốt sau người nay có mấy bài vịnh « Tam trung » :

Gương nêu thiên cổ miếu Tam trung,
Tiết nghĩa Rồng Tiên khiếp giặc Nùng.
Lương tuyệt không nao gan tuấn kiệt,
Liều mình vì nước Bắc, Nam, Trung !

***

Trọng trách phong cương cố giữ tròn,
Cùng thành đồng thệ mất hay còn ;
Thà cam tử tiết đền quân quốc
Nguyền trải non sông ba tấm son !

***

« Non sông chung đúc khí anh hùng,
« Một khối tinh trung giống Lạc Hồng.
Nhiệt huyết « ba kỳ » nhuần » đất Việt.
« Gương nêu thiên cổ miếu « Tam trung !»

TRÚC-TÂN

2) Lê Hoàng tiên sanh soạn bài văn nầy thay cho con Phạm-Trạc.

3) Lễ thành phục nầy làm tại Nam định, cha mẹ và con trưởng của Phạm-Trạc ở lại đó. Theo câu trên nếu không lầm, thì Phạm pha-nhơn và con bé ở tại Hải dương. Theo Liệt truyện, con của Đình-Trạc là Đình-Nghị sau làm Tri phủ Trọng-Khanh.

4) — Gió to, năm lạnh phân biệt được bền chặc với yếu hèn, uon Thái với lông hồng rỏ hạng nặng, hạng nhẹ.

5) Người đời từ xưa ai lại không chết, chết còn lưu lại tấm lòng son chói rạng trong sử xanh. (Lời văn thiên Tường trong Chánh khí ca).

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được :

1) **Vũ ngọc Phan**: Trên đường nghệ thuật — nhà xuất bản Hanoi — giá 3$ — sách in đẹp, trình bầy mỹ thuật

2) **Thanh Tịnh**: Ngậm ngải tìm trầm — Thời Đại xuất bản — giá 2$ — bìa in 2 mầu - nhiều truyện ngắn đặc sắc-văn viết nhẹ nhàng và sáng sủa.

Xin giới thiệu với các bạn đọc và cảm ơn hai nhà xuất bản

Tri Tân

Lê-Quỳnh

(Tiếp theo trang 17)

Năm Gia Long thứ ba (1804), qua Thanh cho phép đem hài cốt vua Lê cũ và các bầy tôi tòng vong về cố-quốc. Bốn ông ấy (?) đều được giữ nguyên vẹn cả tóc mà về. Ông nội tôi phụng đem hài cốt Thái-hậu Nguyên phi, Nguyên-tử về táng ở Thanh Hóa

Ông nội tôi thường đi chơi chùa Đại-đồng ở huyện nhà và có thơ :

Phật tổ di lai sơ đệ tử,
Hoàng thiên hứa tác cựu nhân nhân.

Dịch :

Con Phật ngày xưa sót lại,
Người nhân Trời Cả ban cho.

Vừa thưởng thức và ngâm vịnh tùng cúc được một năm, đến ngày 16 tháng chín năm Ất sửu, niên hiệu Gia Long thứ tư (1805), ông tôi mệnh chung, thọ 56 tuổi, mông ơn nhà vua được rất ưu hậu, táng tại địa phận xóm nhà, xứ Đồng vật, tọa Quý, hướng đinh.

Ông tôi sinh hạ được ba chi : Tổ này là con trưởng của ông Doãn Tuấn chi thứ hai nhớ lại hành trạng của ông nội tôi đã chép ở trong *Bắc-hành tùng ký*, nay kính thuật đại khái ra đây để ghi vào bia đá.

(còn nữa)

TIÊN-ĐÀM

(1) Siêu lĩnh hầu Lê doãn Trị, là anh em thúc bá với Lê Quỳnh, sinh năm Cảnh hưng Mậu-dần (1767), là con thứ năm Cụ Tiến sĩ khoa Mậu-thìn (1757), Lạng sơn đốc trấn Tú-xuyên - hầu. Năm Chiêu - Thống nguyên-niên (1787), có quân công, được phong Siêu-lĩnh bá ; về sau, phò giá Thái hậu, Nguyên-tử sang đến Nam-ninh, được phong tước hầu. Ba năm sau nhà Lê mất, ông theo Trường phái hầu Lê Quỳnh, ở Tàu 16 năm, không chịu cắt tóc, sau cũng theo ngọc cốt vua Lê về nước, mất năm Gia-long thứ 10 (1811), thọ 34 tuổi. Mộ táng ở phía Tây nam mộ Trường phái hầu Lê Quỳnh

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 18

CHU-THIÊN

Đoàn công-tử mừng quá, chăm chú nhìn nàng và biết nàng thừa rõ chàng hay đi chơi những đâu rồi, nên vui cười đáp:

— Thưa nương tử, tôi mải đi xem ngắm non núi rừng cây quanh đấy, nên không được hân-hạnh, thừa tiếp nương tử, uổng quá!

Kim-Vân công chúa cười nói tiếp:

— Công-tử quí mến đất vùng em quá như vậy!

Thịnh-Nguyên đỡ lời:

— Phong cảnh đẹp như thế này' núi non liên tiếp, cây cỏ xanh tươi, giòng sông nước bạc, cánh đồng bao la, đã bẩm sinh ra những bậc kỳ-tài như ei | là một, bảo anh em chúng tôi không quý mến làm sao được.

Kim Vân vui cười chưa kịp nói, công-tử Đoàn-Văn đã vui vẻ ân cần mời:

— Rước chị vào chơi trong lầu với chúng tôi đã.

Kim-Vân từ chối.

— Tôi phải về bên điện bận việc.

Đoàn-Văn hỏi dồn ngay.

— Sao mấy ngày nay, chị không sang chơi.

Kim-Vân trố mắt nhìn, thản-nhiên đáp:

— Em sang chơi mấy bận, các anh đều mải đi ngao du sơn thủy vắng cả.

Đoàn-Văn tức nổi:

— Nhưng mấy hôm trước kia cơ mà?

Kim Vân ngập ngừng dịu dàng đáp:

— À, thưa anh, mấy hôm ấy, em bận việc bên điện, Vả...

Nàng ngập-ngừng, Đoàn công-tử vội hỏi ngay:

— Vả... sao?

Nàng tươi cười và thẳng-thắn đáp:

— Vả... Phụ-hoàng em bảo anh đã vui vẻ rồi, con gái lớn ở gần luôn với con giai không tiện, nam nữ thụ thụ bất thân!

Đoàn-Văn gượng cười nói:

— À ra vì thế,

Công-tử Thịnh-Nguyên tiếp:

— Nguyễn-hoàng nghĩ xa thế cũng phải, càng giữ tiếng cho ta.

Đoàn công-tử không để ý đến câu nói ấy, chàng đương mải băn-khoăn về bức rào ngăn cản giữa chàng và Kim-Vân công-chúa. Càng nghĩ chàng thêm bồn-chồn mãi bây giờ chàng mới cảm thấy cái tình giai gái mới rõ rệt trong lòng chàng: Trước kia tuy nhớ nhung, chàng cũng chửa dám hỏi lòng, chàng chỉ lờ-mờ thấy như mình vắng một người bạn chí thân, như vắng Thịnh-Nguyên chẳng bạn. Nhưng bây giờ, chàng mới rõ là mình nhớ Kim-Vân, không phải là nhớ bạn mà thôi, lại hơn thế nữa là nhớ một người con gái, một người tình nhân. Chàng thở giài, tự buồn cho mình, tự trách mình, cố xua đuổi cái ý nghĩ ấy đi, nhưng nào có được nữa. Kim-Vân công-chúa vẫn quanh quẩn trong tim óc chàng, và chàng thêm giật mình, khi nghe thấy tiếng nàng:

— Mai, các anh có đi lên núi nữa, cho em đi với. Thôi chào các anh, em về đây.

Đoàn công-tử không kịp giữ và quên cả chào, chỉ kịp nói:

— Ừ! Mai chị đi nhé! Đi sớm cho mát.

Nhưng sáng hôm sau, Đoàn công-tử đợi mãi không thấy Kim-Vân công-chúa sang. Chàng giậy sớm, cùng với công-tử Thịnh-nguyên sửa soạn xong đã từ lâu, mà trông ra ngoài phía cổng mãi không thấy thấp thoáng bóng hồng tới bẹn. Chàng sốt ruột lắm. Tuy vậy, chàng cũng không dám sang dủ, chàng chỉ âm-thầm ngồi đợi. Đến quá nửa buổi, chàng mới cùng công tử Thịnh-Nguyên lên ngựa lại đi chơi núi Lạn-Kha, thăm chùa Vạn-Phúc. Giời trong, đẹp, cái nắng đầu hè chưa gắt mấy, lại thêm cái hương lúa chín dưới cánh đồng hòa với làn hương thơm bốc tự nhựa cây hoa lá trong rừng, núi mà cơn gió nhẹ đã đưa thoảng tới, khách du đáng nhẽ phải say-sưa thưởng ngoạn.

chỉ vì thiếu một bạn đã hẹn cùng đi nên công-tử chẳng cần la-cà, ngắm hưởng chi cho lắm ấy thế mà thỉnh thoảng chàng phải dừng lại giữa đường để trông ngảnh về nơi cung điện ngóng xem có thấy bạn vàng đi theo. Nhưng không vẫn hoàn không. Hai chàng lại đủng đỉnh đi. Đến nơi đã gần trưa, và ánh nắng đã hơi gắt, hai chàng thấy nóng bức vì đi nhiều, liền vào chùa Vạn-Phúc nghỉ, thả lỏng ngựa cho chạy rông dưới chân núi. Vào đến chùa, thấy một con ngựa bạch quen buộc dưới gốc cây thông, công-tử Đoàn Văn chợt nhớ ra điều gì, vội chạy lên nhà tổ, hỏi sư trụ-trì :

— Bạch sư, ngựa ai vắng cảnh buộc dưới gốc cây kia mà không thấy người ?

Vị sư nhìn hai chàng vội chắp tay cung-kính đáp :

— A di-đà-Phật ! Bẩm hai công-tử, đây là ngựa của công - chúa vừa tới thăm đấy ạ.

Đoàn Văn vui mừng hỏi :

— Kim Vân công-chúa mới đến bay đến đã lâu ?

— Dạ, bẩm công tử, người đến từ buổi ạ !

— Giờ công chúa đâu ?

— Dạ, bẩm, người lên núi.

— Lên núi từ buổi chưa xuống ?

— Dạ, bẩm, người lễ Phật, nghe pháp tăng tụng kinh một lúc, rồi mới lên núi, chắc chưa xuống ngay.

— Được, thôi chào sư.

— A di-đà-Phật, bái tạ hai công-tử.

Rồi hai chàng vội vã lên núi. Lách qua những cây cành lá um tùm, leo qua những tảng đá nhô trên sườn đất, Đoàn Văn đi rất nhanh nhẹn. Thịnh-Nguyên lắm lúc theo không kịp. Lên đến gần đỉnh núi, hai chàng còn đương mon men, chợt thấy đánh bộp một cái, một quả vải chín rơi xuống đầu Đoàn Văn, rồi nảy xuống một hòn đá, bắn lại đằng sau Thịnh-Nguyên nhặt được đưa cho Đoàn-Văn. Chàng cầm lấy ngơ ngác nhìn quanh thấy một con chim to đang vỗ cánh bay luồn quanh cái cành cây rậm-rạp, chàng tức mình cầm quả vải ném theo, miệng lầm bầm :

— Rõ oái oăm ! Làm mình cứ tưởng người !

Rồi thuận tay, chàng dương cung bắn theo lên phía ngược luôn mấy phát, con chim sợ vỗ cánh thật mạnh bay tít về đằng xa. Như điên, chàng vẫn bắn hoài. Bỗng có tiếng kêu lanh lảnh đưa lại :

— Có người đừng bắn nữa !

Nghe tiếng quen, Đoàn-Văn nhận ngay ra Kim-Vân, liền quẳng cung lại cho Thịnh-Nguyên, và vội vàng tiến ngược lên phía bắc. Vừa được mấy bước, Kim Vân công-chúa đã hiện ra giữa đám hoa lá xanh tươi, rực-rỡ như một vị tiên-cô. Nàng tươi cười hỏi :

— Sao anh bắn dữ thế ?

Đoàn Văn cũng hỏi :

— Sao chị lại đi một mình trước chúng tôi ?

Kim-Vân cười đáp :

— Tại anh dặn em đi sớm kia mà !

Thịnh-Nguyên cũng vừa đến nơi nói thêm vào :

— Chị làm chúng tôi chờ mãi sốt cả ruột. Buồn quá chúng tôi mới lại đủng đỉnh ra đây, thì ra chị lại đến trước.

Đoàn-Văn liền cười nói.

— Thôi thế sử hòa. Ta lên rẫy thông trên đỉnh núi này ngồi chơi.

Ba người lại đều thoắt bước lên. Kim-Vân vừa cười vừa nói :

— Em đã lên ngồi trên rẫy thông đợi các anh mãi. Thấy bóng người thấp thoáng em biết là các anh nên vội ra đón.

Ba người lên đến rẫy thông. Đoàn-Văn bảo Kim Vân ngồi xuống tảng đá nhẵn thín, Thịnh nguyên đứng tựa dưới gốc cây. Thông reo vù vù trên cao vọi giữa không trung như một khúc nhạc hòa tấu. Trước cảnh bao la núi cao giời rộng, đôi bạn như xa hẳn cõi trần, mà riêng đây là tiên giới, hai người dần dần ngồi gần lại nhau nói truyện với một niềm thân mật kính trọng những giờ khắc vui tươi trong sạch của bạn, Thịnh-Nguyên lẳng xa dần, quay-quần dưới giặng thông. Hai bạn mải vui bàn bạc đến quên cả giời đất. Chợt tiếng động tự phía trên vụt xuống như tiếng động của thú dữ vượt qua. Hai người vội sửng sốt nhìn lên hoảng - hốt thấy Chương-Vô hoàng-đế đã tiến lại gần đến nơi, vẻ mặt đầy nghiêm-nghị, giáng đi cực kỳ quả quyết. Hai người vội cùng đứng lên, rời xa nhau và đợi mệnh. Ngài đến nơi, chừng mắt nhìn hai người, trong khi họ thi lễ lậy chào. Im lặng và ra vẻ giận dữ nhìn, chừng đủ cho họ sợ rồi, ngài mới lên tiếng đỉnh đạc hỏi :

— Sao các con lại gặt nhau lên chơi chỗ vắng vẻ thế này

Kim-Vân công chúa bạo dạn cau

— Thưa cha, có cả công-tử Thịnh-Nguyên nữa đấy ạ !

(Còn nữa)

CHU THIÊN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

MỚI XUẤT BẢN

LÊN TÁM

của TAN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tản-Đà để dạy những trẻ em; được học vả được vui - thích.

bản thường... 1$50 cước 0$40

bản giấy Đại La... 6.00 — 0.50

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Sắp có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

— Nguyễn Công Trứ và đẳng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào.

— Cối rễ xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn Công Trứ.

— Quan niệm hành lạc của Nguyễn công Trứ có mâu thuẫn với chí Nam nhi của ông không ?

Đã có bán

KINH TẾ HỌC

phổ thông

của NGUYỄN HẢI ÂU — giá 3$50

HÀN THUYÊN

71 Tiên Tsin — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi

— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Thơ và ngân-phiếu để cho :

Ô. ĐINH-VĂN-TUỆ

32 Phố Riquier — Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi